

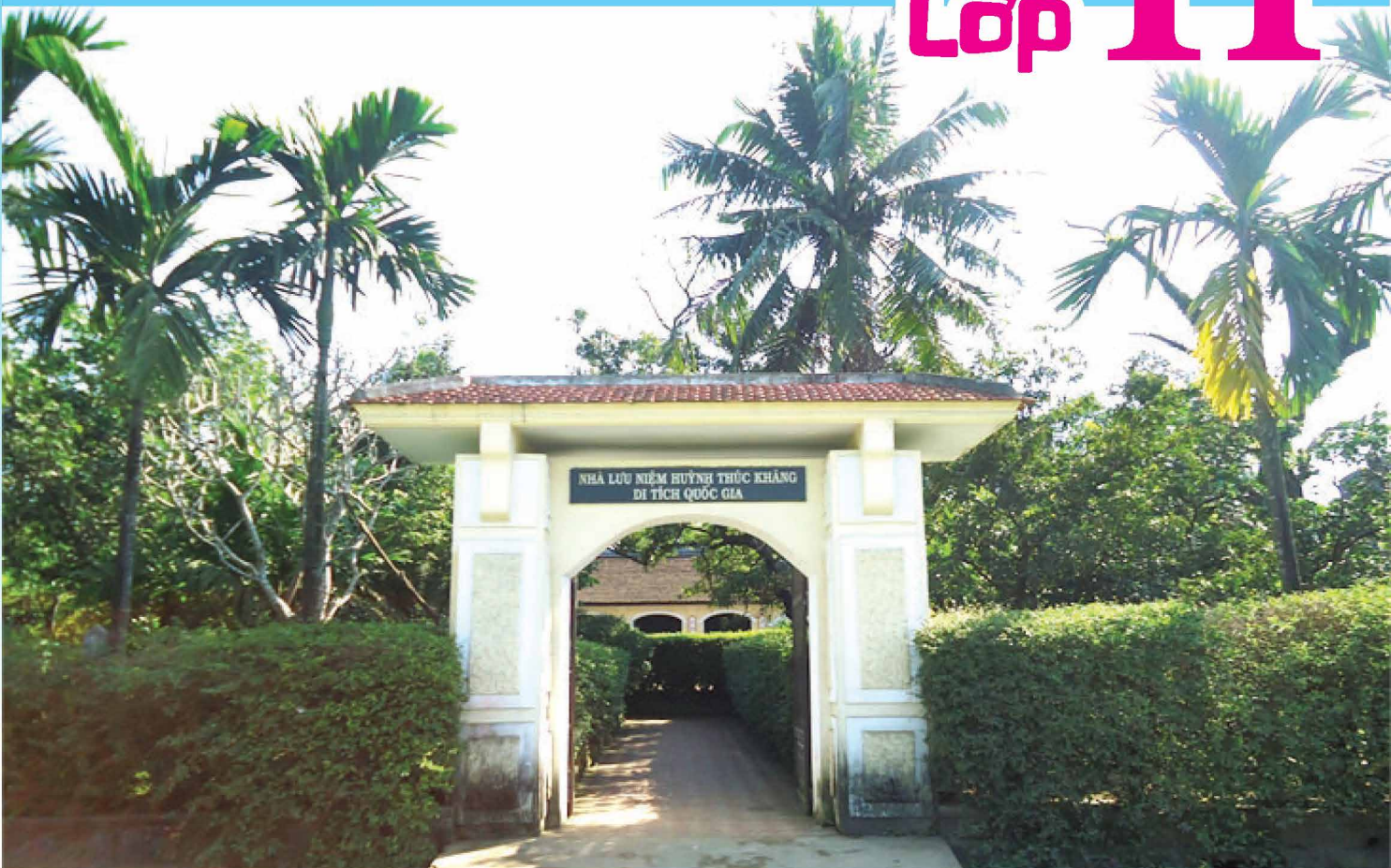


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH QUẢNG NAM

Lớp 11



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÁI VIẾT TƯỜNG (Tổng chủ biên) – CHÂU VĂN THUYẾT (Chủ biên)
LÊ VĂN HIỆP – HUỖNH ANH TUẤN – DƯƠNG VĂN HẬU – LÊ VĂN CHƯƠNG
HOÀNG NHƯ ĐỨC – VŨ VĂN ANH – NGUYỄN XUÂN HOÀNG – NGUYỄN HỮU VĨNH
ĐẶNG THỊ THU HÀ – PHAN THỊ MÂY – BÙI THANH SƠN
ĐOÀN THANH LIÊM – HỒ VĨNH SANH – NGUYỄN THỊ THU THẢO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG NAM

Lớp



Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số hình ảnh, thông tin gợi mở về chủ đề bài học nhằm tạo tâm thế, hứng thú học tập cho học sinh.



KIẾN THỨC MỚI

Phần này bao gồm các nội dung kiến thức, hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi ý giúp học sinh tìm hiểu, tiếp thu kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Nội dung luyện tập là các câu hỏi, bài tập thực hành để học sinh củng cố kiến thức, phát triển năng lực, phẩm chất.



VẬN DỤNG

Phần này gồm các bài tập tình huống, hoạt động trải nghiệm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn học tập và đời sống.

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
cho các em học sinh lớp sau.*

MỤC LỤC

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	TRANG
1	DANH NHÂN QUẢNG NAM	6
2	KHAI THÁC NGUỒN LỰC KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG NAM	13
3	NGHỆ THUẬT TRUYỀN THÔNG TIÊU BIỂU Ở TỈNH QUẢNG NAM	21
4	DỊCH VỤ TỈNH QUẢNG NAM	30
5	CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG NAM	38
6	NÔNG NGHIỆP SẠCH VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM Ở TỈNH QUẢNG NAM	50

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Giáo dục địa phương là môn học mới trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Nội dung giáo dục là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương nhằm bổ sung nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước; giúp các em trang bị những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Nam lớp 11 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tổ chức biên soạn gồm các chủ đề về danh nhân Quảng Nam, khai thác nguồn lực kinh tế – xã hội, nghệ thuật truyền thống, ngành dịch vụ, chính sách an sinh xã hội, nông nghiệp sạch và an toàn thực phẩm ở tỉnh Quảng Nam.

Ở mỗi chủ đề, hệ thống kiến thức được trình bày phù hợp với các hoạt động học tập để các em tìm hiểu, luyện tập, vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống của địa phương, góp phần hình thành, phát triển các năng lực, phẩm chất.

Ban Biên soạn hy vọng quý thầy cô giáo, các bậc phụ huynh đồng hành cùng các em trong quá trình học tập nội dung giáo dục của địa phương để giúp các em được học tập, trải nghiệm,... thiết thực, hữu ích.

Ban Biên soạn trân trọng cảm ơn Hội đồng thẩm định; các Sở, ngành, đoàn thể, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã đóng góp ý kiến; cảm ơn tác giả của các tài liệu khoa học, thông tin báo chí,... được Ban Biên soạn sử dụng trong quá trình biên soạn, hoàn thiện nội dung tài liệu.

Ban Biên soạn rất mong nhận được sự góp ý xây dựng của các em cùng quý bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Chúc các em vui khoẻ, đạt nhiều kết quả tốt trong học tập!

BAN BIÊN SOẠN

DANH NHÂN QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Trình bày được vai trò, đóng góp của một số danh nhân Quảng Nam tiêu biểu.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu thân thế và sự nghiệp các danh nhân Quảng Nam.
- Có ý thức trân trọng những đóng góp của các danh nhân Quảng Nam đối với quê hương đất nước.



MỞ ĐẦU

Đầu thập niên 60 của thế kỉ XX, Đài kỉ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam do tỉnh hội Cổ học tinh hoa Quảng Nam khởi xướng và quyên góp được xây dựng ở Hội An. Công trình được thiết kế theo tháp hình trụ 4 cạnh toạ lạc trên một trụ đá nằm giữa hồ sen. Dọc theo cạnh chính có đề các chữ: Quảng Nam danh nhân chí sĩ kỉ niệm đài (Đài tưởng niệm các danh nhân, chí sĩ của Quảng Nam). Công trình là một điển hình tiêu biểu về niềm tự hào, sự thành kính tri ân của bao thế hệ đối với những danh nhân, chí sĩ nổi tiếng đất Quảng trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Vậy danh nhân Quảng Nam là những người như thế nào? Họ đã có những đóng góp gì cho quê hương và đất nước? Em sẽ được tìm hiểu trong chủ đề này.



Hình 1.1 Đài kỉ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam



1. Giới thiệu chung về danh nhân Quảng Nam

Danh nhân Quảng Nam là người nổi tiếng, được sinh ra ở Quảng Nam, có cống hiến nổi bật, có ảnh hưởng rộng lớn trong cộng đồng, được cộng đồng thừa nhận, kính trọng, khâm phục, noi theo và được lưu truyền trong lịch sử.

Qua từng thời kì lịch sử, Quảng Nam đều sản sinh cho đất nước nhiều danh nhân. Bằng tài năng và tâm huyết, họ đã để lại những dấu ấn sâu sắc, góp phần quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước, tiêu biểu như: Đoàn Quý Phi, Nguyễn Dục, Phạm Phú Thứ, Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Đỗ Đăng Tuyển, Tiểu La (Nguyễn Thành), Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Lương Thúc Kỳ, Huỳnh Thúc Kháng, Thái Phiên, Phan Khôi, Nguyễn Thị Thứ, Huỳnh Ngọc Huệ, Hồ Nghinh, Hoàng Châu Ký, La Hối, Phan Huỳnh Điểu, Hoàng Tụy, Thuận Yến, Nguyễn Văn Trỗi,...



Phạm Phú Thứ
(1821 - 1882)



Nguyễn Duy Hiệu
(1847 - 1887)



Huỳnh Thúc Kháng
(1876 - 1947)



Trần Quý Cáp
(1870 - 1908)



Nguyễn Thành
(1863 - 1911)



Trần Cao Vân
(1866 - 1916)

Hình 1.2. Một số danh nhân Quảng Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

EM CÓ BIẾT?

Lịch sử mỗi quốc gia cũng như của thế giới nhân loại, qua tất cả những biến cố thăng trầm, qua những thế kỉ anh hùng và bi tráng, qua những thời đại đánh dấu bước ngoặt huy hoàng của các nền văn minh cũng như lịch sử lao động chiến đấu của các thế hệ con người đều bắt đầu từ những sáng tạo, phát minh, những tài năng, trí tuệ xuất chúng của các bậc thiên tài, những tư tưởng mang ý nghĩa thức tỉnh con người về tự do và khát vọng giải phóng của các bậc

vĩ nhân. Hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp của các danh nhân, hiểu rõ những cống hiến cũng như các bài học từ tấm gương của họ là điều cần thiết để xây dựng một phong văn hoá, tiềm lực tư tưởng, văn hoá của mỗi cá nhân đến cộng đồng xã hội.

(Hoàng Chí Bảo (2023), Nghiên cứu danh nhân để tiếp nối những giá trị, <https://vov2.vov.vn/van-hoa-giai-tri/nghien-cuu-danh-nhan-de-tiep-noi-nhung-gia-tri-40559.vov2>, 20/4/2023)

2. Một số danh nhân Quảng Nam tiêu biểu

2.1. Hoàng Diệu (1829 – 1882)

Hoàng Diệu, tự là Quang Viễn, hiệu Tình Trai. Ông sinh năm 1829 tại làng Xuân Đài, huyện Diên Phước (nay là thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Xuất thân trong một gia đình có truyền thống nho học, từ nhỏ ông nổi tiếng là người hiếu học và học giỏi. Sau khi đỗ cử nhân, đỗ phó bảng, Hoàng Diệu được giao nhiều chức vụ quan trọng dưới triều Nguyễn.

Trong cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần hai, với vai trò Tổng đốc Hà Nội, Hoàng Diệu đã tích cực chuẩn bị kế hoạch đối phó. Ông đã chủ động phòng bị, vừa chỉ thị cho quân sĩ đào hào, đắp lũy vừa tranh thủ sự đồng thuận của các quan trong thành, thống nhất kế hoạch và hạ quyết tâm chiến đấu đến cùng để giữ thành Hà Nội.

Mờ sáng ngày 25/4/1882, Đại tá H.Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Hoàng Diệu, ngang ngược đòi ông phải gỡ bỏ hệ thống phòng thủ và giao nộp thành. Trước tình thế đó, Hoàng Diệu đã cự tuyệt và lệnh cho tất cả quan quân sẵn sàng chiến đấu.



Hình 1.3. Hoàng Diệu (1829 – 1882)

Không khuất phục được Hoàng Diệu cùng quan binh giữ thành, quân Pháp nổ súng tấn công. Trong một thế trận bất lợi, tương quan lực lượng không cân sức, mặc dù quan quân đã anh dũng chiến đấu nhưng tình hình ngày càng nguy ngập, không thể cứu vãn. Hoàng Diệu quay về hành cung viết di biểu gửi vua Tự Đức rồi đến trước cửa Võ Miếu tự vẫn.

Hoàng Diệu đã làm tròn bổn phận của một vị Tổng đốc khi ông đã cùng với binh sĩ chiến đấu đến cùng để bảo vệ thành Hà Nội. Hoàng Diệu ra đi như một tấm gương tiết nghĩa凛冽, thà chết chứ nhất quyết không chịu đầu hàng giặc. Ông trở thành biểu tượng bất tử về tinh thần chống Pháp của người Hà Nội và của cả dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

EM CÓ BIẾT?

Trong di biểu gửi vua Tự Đức và triều đình, Hoàng Diệu đã viết: “Ngày mùng 7 tháng này, chúng hạ chiến thư, ngày hôm sau là chúng tiến đánh, quân chúng đông như kiến tỵ, súng chúng gầm như sấm vang; ngoài phố lửa cháy tràn lan, trong thành ai nấy táng đờm, tôi vẫn gượng bệnh đốc chiến, đi trước quân lính, bắn chết được hơn trăm tên, giữ thành được nửa ngày...”

Lòng tôi đau như cắt, một tay không thể duy trì. Đã không tài làm tướng, than thân sống chết cũng bằng thừa; thành mất cứu không xong, biết chắc chết không hết tội. Rút lui để mà tính toán về sau ư?... Mấy dòng lệ máu, muôn dặm cửa trời, chỉ mong rục rở đôi vàng, xét soi tấm lòng son là đủ!”

(Lê Minh Quốc (2009). Kể chuyện danh nhân Việt Nam – các nhà chính trị, Tập 10, NXB Trẻ, Tp. HCM, tr. 66 – 67)



Khai thác thông tin ở trên, trình bày những đóng góp của Hoàng Diệu trong cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lược.

2.2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

Phan Châu Trinh, tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã, sinh năm 1872 tại làng Tây Lộc, tổng Vinh Quý, huyện Hà Đông (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam). Ông đỗ cử nhân, đỗ phó bảng, được triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm làm Thừa biện bộ Lễ (1903).

Sau khi từ quan (1904), Phan Châu Trinh dành nhiều thời gian gặp gỡ kết giao với các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng,... ; đọc “tân thư”, tiếp thu tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây, tìm hiểu cuộc Duy Tân ở Nhật Bản. Những năm đầu thế kỉ XX, Phan Châu Trinh cùng với Huỳnh Thúc

Kháng và Trần Quý Cáp bắt đầu cuộc vận động Duy Tân ở Quảng Nam với chủ trương: khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh. Ông cùng với các chí sĩ yêu nước chủ trương lên án văn hoá lạc hậu, mở mang tư tưởng canh tân hiện đại thông qua các trước tác và hoạt động truyền bá rộng rãi.

Tháng 3/1908, Phan Châu Trinh bị bắt ở Hà Nội và sau đó bị đày đi Côn Đảo (4/1908). Trước làn sóng đấu tranh của nhân dân, sự can thiệp của nhiều tổ chức, ông được thực dân Pháp trả tự do và sau đó xuất ngoại sang Pháp. Trong thời gian ở Pháp, Phan Châu Trinh vừa mưu sinh vừa hoạt động trong giới Việt kiều. Đặc biệt, Phan Châu Trinh có mối quan hệ mật thiết với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc) trong thời gian từ năm 1917 đến năm 1923.

Năm 1925, Phan Châu Trinh về nước và tiếp tục tham gia các hoạt động yêu nước. Năm sau, do bệnh nặng tái phát, ông qua đời trong niềm thương tiếc vô hạn của quần chúng. Đám tang và lễ truy điệu Phan Châu Trinh trở thành cuộc vận động ái quốc rộng lớn.

Những đóng góp của Phan Châu Trinh có ý nghĩa tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc, khơi dậy những giá trị tốt đẹp. Ông là nhà cách mạng dân chủ tiêu biểu của Việt Nam đầu thế kỉ XX.



Hình 1.4. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)



Trình bày vai trò của Phan Châu Trinh trong cuộc vận động cứu nước đầu thế kỉ XX.

EM CÓ BIẾT?

Ngày 24/3/1926, Phan Châu Trinh qua đời tại Sài Gòn, một đám tang lớn cho nhà cách mạng được tổ chức khắp nước và cả ở nước ngoài. Đám tang Phan Châu Trinh vừa thể hiện sự tiếc thương nhà chí sĩ, vừa trở thành một cuộc biểu dương lực lượng lớn chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam đến bấy giờ. Trong “Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam”

năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc lại sự kiện này như sau: “Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà ái quốc – Phan Châu Trinh, khắp nước đều có tổ chức lễ truy điệu... Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử”.

(Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 41)

2.3. Võ Chí Công (1912 – 2011)

Võ Chí Công tên khai sinh là Võ Toàn sinh năm 1912 trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Ông sớm giác ngộ cách mạng và tích cực hoạt động phong trào thanh niên. Tháng 5/1935, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1943, ông bị địch bắt kết án tù chung thân, sau giảm xuống 25 năm tù và đày đi nhà tù Buôn Ma Thuột.



Hình 1.5. Võ Chí Công
(1912 – 2011)

Tháng 3/1945, sau khi được trả tự do, ông trở về tham gia Ủy ban khởi nghĩa, giành chính quyền ở Quảng Nam – Đà Nẵng trong Cách mạng tháng Tám. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu uỷ kiêm Chính uỷ quân khu V, ông đã lãnh đạo quân dân Quảng Nam – Đà Nẵng lập nhiều chiến công vang dội, góp phần làm nên trang sử oai hùng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Sau ngày thống nhất đất nước, Võ Chí Công được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách ngành nông nghiệp. Ông đề xuất với Trung ương và nhận trách nhiệm chỉ đạo dự thảo Chỉ thị số 100-CT/TW năm 1981 (còn gọi là Khoán 100) của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong Hợp tác xã nông nghiệp. Chỉ thị có tính đột phá và làm cơ sở của Nghị quyết 10-NQ/TW năm 1988 (còn gọi là Khoán 10) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp.

Năm 1987, được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, ông có những đóng góp quan trọng vào đổi mới hoạt động của Quốc hội, đặc biệt là công tác lập hiến và lập pháp. Hiến pháp sửa đổi năm 1992 đánh dấu mốc lịch sử về công cuộc đổi mới toàn diện đất nước có sự đóng góp rất quan trọng của ông.

Từ năm 1991, ông làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII và khoá VIII. Ông mất ngày 8/9/2011 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Võ Chí Công là người có tầm nhìn chiến lược, vững vàng trước những biến động của thời cuộc, nhạy bén với cái mới,... Ông đã nghiên cứu và đề xuất những vấn đề lớn đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Ông là một nhà lãnh đạo không chỉ được nhân dân quý trọng trong kháng chiến, trong xây dựng, đổi mới phát triển đất nước mà còn là người có phẩm chất đạo đức trong sáng, đức tính giản dị, khiêm nhường.



Trình bày đóng góp của Võ Chí Công đối với công cuộc đổi mới đất nước.

EM CÓ BIẾT?

Chủ trương giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 – 1976, nếu có thời cơ mới giải phóng trong năm 1975 nhưng do tình hình Tây Nguyên phát triển nhanh quá... Nhận thấy thời cơ đến, anh Võ Chí Công đề xuất việc giải phóng đồng bằng, phát hiện được địch đang sai lầm về chiến lược, rút lui chiến lược, do vậy ta không đánh Kon Tum, Pleiku nhưng chúng vẫn tự rút, thời cơ tiến xuống đồng bằng mở ra. Như vậy, việc giải phóng miền Nam

trong năm 1975 xuất phát từ đề xuất rất quan trọng của anh Võ Chí Công mà tôi cho đó là công lao rất lớn của anh đối với đất nước. Phải nói rằng đề xuất của anh Năm Công được chấp nhận là một đóng góp to lớn của anh đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Hoàng Bích Sơn (2012).

Đồng chí Võ Chí Công người chiến sĩ cách mạng kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr. 103-104.



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng tóm tắt về tiểu sử của các danh nhân Quảng Nam đã học trong chủ đề.

TT	Tên danh nhân	Sơ lược tiểu sử
1	?	?

2. Nêu vai trò của các danh nhân Quảng Nam đối với quê hương, đất nước.



VẬN DỤNG

1. Sưu tầm tư liệu để xây dựng bài thuyết trình về một danh nhân Quảng Nam mà em yêu thích.
2. Sân khấu hoá một giai thoại về danh nhân Quảng Nam mà em ấn tượng nhất.

KHAI THÁC NGUỒN LỰC KINH TẾ – XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Xác định được một số nguồn lực kinh tế – xã hội tiêu biểu có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của tỉnh Quảng Nam.
- Nêu được hiện trạng và triển vọng khai thác một số nguồn lực kinh tế – xã hội tiêu biểu ở Quảng Nam.
- Có ý thức bảo vệ và phát huy các nguồn lực kinh tế – xã hội trong quá trình phát triển của tỉnh Quảng Nam.



MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, tình hình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Nam có nhiều chuyển biến tích cực, quy mô nền kinh tế được nâng lên, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Từ năm 2017, Quảng Nam trở thành tỉnh tự cân đối ngân sách, có điều tiết ngân sách về Trung ương. Bên cạnh việc khai thác có hiệu quả các nguồn lực vị trí địa lý và tự nhiên, tỉnh Quảng Nam đang chú trọng phát huy, khai thác các nguồn lực kinh tế – xã hội để xây dựng, phát triển nhanh, toàn diện, bền vững trong những năm tiếp theo.



Hình 2.1. Một góc thành phố Tam Kỳ



KIẾN THỨC MỚI

1. Khai thác nguồn lao động

Năm 2020, dân số hoạt động kinh tế của tỉnh Quảng Nam là 931 441 người, chiếm 61,9% tổng số dân của tỉnh. Tuy nhiên, nguồn lao động phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở khu vực đồng bằng ven biển (81,1%), khu vực trung du và miền núi thì thưa thớt hơn.

Người lao động cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất do được tích lũy qua nhiều thế hệ và qua quá trình hội nhập. Chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao. Lao động qua đào tạo năm 2021 là 600 402 người (tỉ lệ 67%), trong đó lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 238 129 người (tỉ lệ 26,6%). Tuy nhiên, số lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn cao vẫn còn hạn chế; điều này đã ảnh hưởng tới vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Bảng 2.1. Tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Quảng Nam – Đơn vị %

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tỉ lệ	45,5	56,0	58,5	62,0	65,0	67,0



Dựa vào thông tin trên và bảng 2.1, hãy nhận xét tình hình lao động qua đào tạo của tỉnh Quảng Nam. Vì sao lao động tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng ven biển?



Hình 2.2. Đào tạo nghề ở Trường Cao đẳng Thaco



Hình 2.3. Công nhân làm việc tại một nhà máy may ở Duy Xuyên

Công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá và quá trình đổi mới, hội nhập đã làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng lao động tại tỉnh Quảng Nam. Sự phân công lao động xã hội theo ngành có những chuyển biến tích cực.

Bảng 2.2. Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế – Đơn vị %

Khu vực kinh tế	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nông, lâm, thủy sản	47,4	44,7	42,4	39,2	38,0	35,1
Công nghiệp, xây dựng	24,6	25,6	26,3	28,2	29,1	31,7
Dịch vụ	28,0	29,7	31,3	32,6	32,9	33,2

Bảng 2.3. Cơ cấu lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế – Đơn vị %

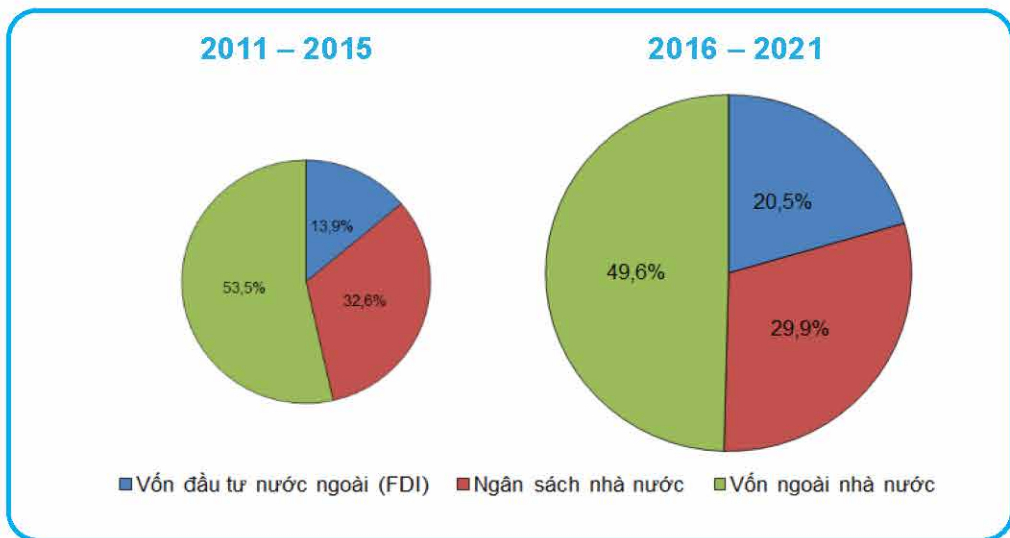
Thành phần kinh tế	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nhà nước	7,46	7,43	7,26	7,17	7,25	7,69
Ngoài nhà nước	88,09	87,50	86,84	86,65	86,32	85,17
Có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)	4,45	5,07	5,90	6,18	6,43	7,14



Từ các bảng số liệu trên, hãy so sánh, nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động theo khu vực và thành phần kinh tế ở tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2016 – 2021. Sự chuyển dịch trên có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế của tỉnh?

2. Huy động các nguồn vốn đầu tư

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Nam đã có nhiều nỗ lực trong vận dụng và huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2016 – 2021 là 137 767 tỉ đồng (gấp gần 1,8 lần so với giai đoạn 2011 – 2015) và có tốc độ tăng bình quân hơn 9,5%/năm. Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội theo nguồn vốn ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 – 2015 và giai đoạn 2016 – 2021 đã có những chuyển biến tích cực. Việc huy động được nguồn vốn lớn đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và đạt hiệu quả đầu tư cao.



Hình 2.4. Biểu đồ vốn đầu tư toàn xã hội theo nguồn vốn ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 – 2015 và giai đoạn 2016 – 2021 (%)

Nguồn vốn ngân sách Nhà nước vẫn là nguồn lực rất quan trọng để thu hút được các nguồn lực khác, tạo sự chuyển biến lớn trên nhiều lĩnh vực kinh tế – xã hội của tỉnh. Vốn ngân sách Nhà nước được tập trung bố trí đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ, cải thiện, tăng cường chất lượng dân sinh, đảm bảo cơ bản và nâng cao các nhu cầu xã hội thiết yếu như: giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, giảm nghèo và quốc phòng an ninh, cải thiện môi trường đầu tư,...

Nguồn vốn ngoài Nhà nước và vốn nước ngoài (FDI) có tốc độ tăng khá cao cho thấy hiệu quả bước đầu trong việc huy động đa dạng các nguồn vốn, tiến tới xu hướng giảm dần ngân sách Nhà nước đầu tư trên địa bàn so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Thông qua việc tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong xây dựng hạ tầng, nhất là hạ tầng vùng ven biển phía đông của tỉnh đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút các dự án FDI và vốn của khu vực ngoài Nhà nước.



Hình 2.5. Bệnh viện Phụ sản – Nhi Quảng Nam
(vốn Nhà nước)



Hình 2.6. Một dự án do tập đoàn Vin Group đầu tư
ở Thăng Bình (vốn ngoài Nhà nước)

Cơ cấu đầu tư trong những năm qua có sự đồng đều tương đối giữa các khu vực kinh tế và phù hợp với sự đóng góp của từng khu vực trong cơ cấu GRDP. Vốn đầu tư được tập trung vào những lĩnh vực và ngành kinh tế trọng điểm đã tác động tích cực và đúng hướng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng lực sản xuất, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.

EM CÓ BIẾT?

GRDP (viết tắt của cụm từ GROSS REGIONAL DOMESTIC PRODUCT, có nghĩa là Tổng sản phẩm trên địa bàn) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh toàn bộ kết quả cuối cùng của các hoạt động sản xuất của tất cả các đơn vị thường

trú trong nền kinh tế của tỉnh trong một thời kì nhất định (thường là một năm); phản ánh các mối quan hệ trong quá trình sản xuất, phân phối thu nhập, sử dụng cuối cùng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ trong nền kinh tế địa phương.



1. Dựa vào Hình 2.4 hãy trình bày cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội theo nguồn vốn ở tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2011 – 2015 và 2016 – 2021.
2. Dựa vào nội dung trong mục 2 hãy giải thích nguyên nhân chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư ở tỉnh Quảng Nam.

3. Khai thác cơ sở hạ tầng

Trong thời gian qua, cơ sở hạ tầng ở tỉnh Quảng Nam đã được cải thiện đáng kể, góp phần thay đổi diện mạo đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế tiếp tục được đầu tư hoàn thiện. Hiện nay, tỉnh Quảng Nam có 14 khu công nghiệp đã được thành lập với tổng diện tích 3.670 ha (tính đến năm 2022).

Hệ thống giao thông phát triển khá toàn diện. Một số công trình hoàn thành như cầu Cửa Đại, cầu Giao Thủy, đường Võ Chí Công,... đã tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo ra diện mạo mới cho tỉnh nhà. Hiện tỉnh đang hoàn thiện các tuyến đường nhằm tạo mạng lưới liên kết giữa vùng Đông và vùng Tây, giữa khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam, giữa đô thị và nông thôn.



Hình 2.7. Cầu Cửa Đại



Hình 2.8. Thông xe kĩ thuật đường Võ Chí Công

Mạng lưới bưu chính viễn thông ngày càng mở rộng, củng cố và hoàn thiện ở cả khu vực đồng bằng và miền núi. Tất cả trung tâm các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đều đã được phủ sóng thông tin di động.

Bên cạnh đó, nhiều công trình lớn, trọng điểm trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế,... đã đưa vào khai thác, mang lại hiệu quả và ý nghĩa to lớn.



Hình 2.9. Học sinh vùng cao Tây Giang trong giờ Tin học



Hình 2.10. Trung tâm điều hành thông minh (IOC) Quảng Nam

Trong thời gian đến, tỉnh tiếp tục tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.



Cho ví dụ về tác động của cơ sở hạ tầng đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nơi em sinh sống.

4. Phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử

Tỉnh Quảng Nam đã chú trọng phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử để phát triển ngành du lịch, nhất là ở các di sản văn hoá thế giới: Đô thị cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn. Một số mô hình du lịch cộng đồng đã được hình thành, thu hút khá đông du khách như làng gốm Thanh Hà, làng rau Trà Quế, làng mộc Kim Bồng, làng du lịch cộng đồng Cẩm Thanh, Cù Lao Chàm (thành phố Hội An), làng bích hoạ Tam Thanh (thành phố Tam Kỳ), làng cổ Lộc Yên (huyện Tiên Phước),...

Hoạt động quảng bá hình ảnh, văn hoá và con người Quảng Nam cũng được quan tâm thông qua các sự kiện như Lễ hội Bà Thu Bồn, Festival Di sản Quảng Nam, đăng cai Năm Du lịch quốc gia – Quảng Nam 2022...

Nhiều di tích lịch sử, văn hoá ở Quảng Nam cũng là địa chỉ giáo dục truyền thống văn hoá, truyền thống cách mạng cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Tỉnh Quảng Nam tiếp tục triển khai công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử của quê hương gắn với phát triển kinh tế – xã hội, nhất là ngành du lịch.



Hình 2.11. Làng cổ Lộc Yên
(xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước)



Hình 2.12. Tuổi trẻ huyện Đại Lộc sinh hoạt trại
tại Địa điểm Chiến thắng Thượng Đức



Kể tên các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu tại địa phương em đang sinh sống. Nêu hiện trạng và triển vọng của các di tích đó đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương em.



LUYỆN TẬP

1. Lấy ví dụ về tác động của nhân tố nguồn lao động và vốn đầu tư nước ngoài đến phát triển kinh tế ở tỉnh Quảng Nam.
2. Cho bảng số liệu:

Bảng 2.4. Cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 – 2021.

Đơn vị: %

Năm Khu vực	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Thành thị	24,5	24,7	24,9	24,9	23,7	24,9
Nông thôn	75,5	75,3	75,1	75,1	76,3	75,1

- Vẽ biểu đồ thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 – 2021.
- Nêu nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu lao động trên.



VẬN DỤNG

Bằng việc khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau, hãy lựa chọn và viết báo cáo ngắn về một trong hai nhiệm vụ sau:

- Nhiệm vụ 1: Thực trạng thất nghiệp và thiếu việc làm tại tỉnh Quảng Nam.
- Nhiệm vụ 2: Ảnh hưởng của các giá trị văn hoá, lịch sử đến phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Quảng Nam.

NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Kể tên được các hình thức nghệ thuật truyền thống ở địa phương.
- Mô tả được những nét cơ bản của một số hình thức nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Quảng Nam.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị của nghệ thuật truyền thống ở địa phương.
- Giới thiệu, tuyên truyền được những hình thức nghệ thuật truyền thống của địa phương với người thân, cộng đồng.



MỞ ĐẦU

Nghệ thuật truyền thống là một trong những nền tảng quan trọng góp phần nhận diện bản sắc văn hoá Quảng Nam.



Hình 3.1. Trình diễn đấu chiêng của đồng bào Co



Hình 3.2. Chi tiết điêu khắc trên đài thờ Mỹ Sơn E1



Hình 3.3. Một cảnh trong nghệ thuật tuồng



Hình 3.4. Hát bà trạo của các cư dân vùng biển



Hình thức nghệ thuật nào không khai thác yếu tố âm nhạc?



1. Giới thiệu chung về nghệ thuật truyền thống ở tỉnh Quảng Nam.

Với lịch sử trên 550 năm hình thành và phát triển, ở một vị trí đặc biệt có sự giao thoa các nền văn hoá, sự đa dạng về địa lí, sự dung hoà các dân tộc anh em cùng chung sống, tỉnh Quảng Nam có cả một kho tàng nghệ thuật truyền thống phong phú về loại hình, đa dạng về thể loại. Mỗi địa bàn cư trú, mỗi dân tộc đều có những hình thức nghệ thuật đặc sắc.

Nét đặc thù của nghệ thuật truyền thống ở tỉnh Quảng Nam là gắn liền với các hình thức sinh hoạt giải trí, tôn giáo tín ngưỡng của cư dân bản địa, như: hát ru, hát Bài chòi, hát Bả trạo; Nói lí, hát lí, vũ điệu Tân'tung Da'dá, điêu khắc gỗ của người Cơ Tu, đấu chiêng đôi, Kad'tấu của người Co, diễn tấu Đinh tút của người Gié-Triêng, điêu khắc Chăm-pa,...

Quảng Nam có nhiều làng nghề truyền thống trải dài từ vùng sâu trong đất liền, miền núi đến đồng bằng, ven biển và hải đảo. Các làng nghề truyền thống vẫn còn lưu giữ những nét đặc sắc về nghệ thuật là những bí kíp của nghề, như: nghệ thuật trang trí lồng đèn (thành phố Hội An), nghệ thuật đắp nổi khảm sành sứ, nghệ thuật điêu khắc gỗ trong kiến trúc nhà ở (Kim Bồng), nghệ thuật đúc đồng (Phước Kiều),...

Nghệ thuật truyền thống ở Quảng Nam đóng vai trò quan trọng trong cả đời sống vật chất và tinh thần người dân nơi đây. Nó thể hiện bản sắc các cộng đồng dân tộc, là một phần quan trọng cấu thành nên cốt cách, tinh thần và văn hoá người Quảng Nam.

Trước tác động của cuộc sống hiện đại, bên cạnh những loại hình nghệ thuật có sức sống mạnh mẽ thì có một số loại hình nghệ thuật đang mai một, cần bảo tồn và phát huy.



Nêu các nét nổi bật về nghệ thuật truyền thống ở tỉnh Quảng Nam.

2. Một số hình thức nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Quảng Nam.

2.1. Nói lí, hát lí của người Cơ Tu

Nghệ thuật nói lí, hát lí của đồng bào Cơ Tu có từ lâu đời, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đây là một trong những giá trị văn hoá phi vật thể đặc trưng; là tài sản vô giá, nền tảng tinh thần của cộng đồng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia năm 2015.

Nghệ thuật nói lí, hát lí của người Cơ Tu là hình thức ứng khẩu, sử dụng vào mục đích sinh hoạt văn hoá, văn nghệ trong đời sống tinh thần của đồng bào Cơ Tu từ xưa đến nay. Nói lí, hát lí của người Cơ Tu không nhất thiết phải dùng triết lí để mổ xẻ, phân tích sự việc hiện tượng xung quanh. Cái "lí" ở đây là dùng hình tượng ẩn dụ, nhân hoá, ví cái này để hiểu nghĩa cái kia. Nói lí, hát lí luôn kích thích người

nghe, giúp người nghe hiểu câu chuyện một cách cặn kẽ, chí tình và đồng cảm với nhau để chia sẻ niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống hằng ngày. Vì vậy, nói lí, hát lí thường dùng để giải quyết các mâu thuẫn, xích mích trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè, xã hội, công việc,... Đặc biệt, người Cơ Tu không bao giờ sử dụng từ ngữ thiếu văn hoá trong nói lí, hát lí. Khi một bên nói lí đúng quá và đối phương không thể đối lại thì gọi là “hết lí” hoặc “chết lí”. Trong tập quán của người Cơ Tu, khi bị đối phương bắt lí và hết lí, thì dù là kẻ thù đi chăng nữa họ cũng tâm phục, khẩu phục và giảng hoà theo ý của đối phương.

Nói lí, hát lí có những cách thể hiện khác nhau, ý tứ riêng của nó. Do vậy, không thể ai cũng nói lí, hát lí hay và giải thích đúng nghĩa để hiểu nhau được. Điều đó cho thấy muốn nói lí, hát lí đạt ở trình độ cao phải khổ luyện học hỏi, tích lũy kinh nghiệm sống và kinh nghiệm của cha ông để lại...

Để bảo tồn và phát huy nghệ thuật nói lí, hát lí, các cấp chính quyền của tỉnh Quảng Nam đang thực hiện đồng thời các giải pháp như vận động những người dân am hiểu về nghệ thuật nói lí, hát lí tiếp tục tham gia sinh hoạt và giảng dạy tại các câu lạc bộ; nhân rộng mô hình nghệ thuật này vào các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông trên địa bàn dân tộc Cơ Tu nhằm giúp các em hiểu rõ hơn về nguồn gốc, ý nghĩa của loại hình nghệ thuật này để cùng nhau lưu giữ và phát triển tốt hơn.



Hình 3.5. Cục Di sản văn hoá thẩm định nghệ thuật nói lí, hát lí tại thôn Đrông, xã Tà Lu, huyện Đông Giang



Hình 3.6. Lễ ra mắt Câu lạc bộ nói lí, hát lí tại thôn Tà Vạc, thị trấn Prao, huyện Đông Giang

2.2. Nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa

Di sản nghệ thuật của Chăm-pa để lại ngày nay gồm điêu khắc, kiến trúc, hội họa, âm nhạc,... Trong đó, nổi bật nhất là kiến trúc và điêu khắc trong các đền tháp Chăm-pa.

Trong các di tích kiến trúc Chăm-pa còn tồn tại cho đến ngày nay, Mỹ Sơn là quần thể kiến trúc có niên đại xưa nhất và quan trọng nhất vì còn giữ được khá nguyên vẹn các tác phẩm điêu khắc.

Điêu khắc Chăm-pa ở Quảng Nam thể hiện trên ba chất liệu chính là sa thạch, đất nung và đồng. Trong đó, phần lớn là sa thạch có niên đại từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV thuộc nhiều phong cách nghệ thuật khác nhau.

Điêu khắc đá Chăm-pa có hai hình thức chính là tượng và phù điêu có chủ đề về tôn giáo, tín ngưỡng.



Hình 3.7. Đầu tượng thần Shiva (chất liệu vàng)



Hình 3.8. Voi – sư tử (chất liệu đá)



Hình 3.9. Phù điêu Shiva múa



Hình 3.10. Hoa văn trên phần Đài thờ Mỹ Sơn E1

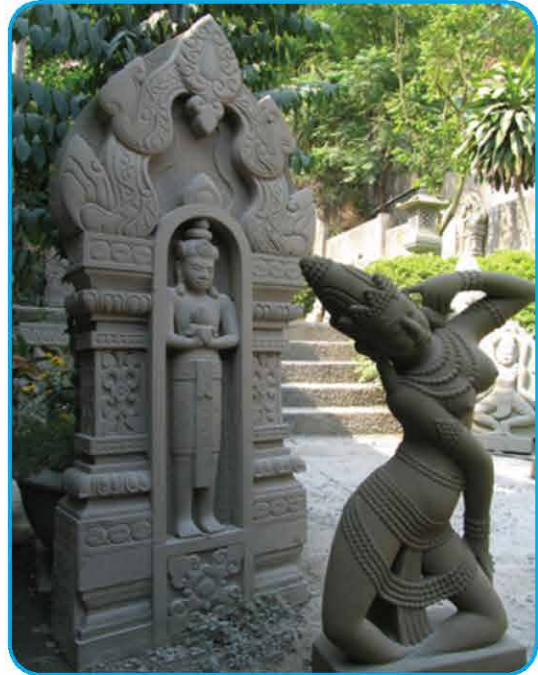
Những hình tượng thường thấy trong điêu khắc Chăm-pa: thần Shiva, thần Indra, nữ thần Devi, nữ thần Laskshmi – vợ thần Vishnu, tượng Phật, hình tượng những người cầu nguyện và tu sĩ, tượng người, bò Nandin, chim thần Garudam, sư tử, voi,...

Những họa tiết hoa văn phổ biến trong điêu khắc Chăm-pa: họa tiết hoa văn hình cúc, họa tiết hoa văn hình hoa sen, họa tiết hoa văn hình dây, họa tiết hoa văn hình con sấu, họa tiết hoa văn hình sóng nước hay ngọn lửa, họa tiết hoa văn hình học, họa tiết hoa văn hình động vật,...

Bằng tài năng điêu khắc tuyệt vời, các nghệ nhân Chăm-pa cổ đã đánh thức những tảng đá âm u, mịn mù thành hiện thực sinh động về vẻ đẹp cường tráng, đầy sinh lực của con người núp dưới những chủ đề huyền thoại của thần linh và tôn giáo.



Hình 3.11. Nghệ nhân khiếm thính Phạm Ngọc Xuân (Duy Phú) – Giữ hồn nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa



Hình 3.12. Một góc tượng Chăm-pa tại làng đá mỹ nghệ Ngũ Hành Sơn

2.3. Nghệ thuật Tuồng (hát bội)

Tuồng (còn gọi là hát bội) là một loại hình sân khấu dân gian. Cùng với chèo, tuồng là một trong hai bộ phận chủ yếu của văn kịch.

Tuồng xứ Quảng (bao gồm Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Bình Định ngày nay) có thể đã xuất hiện và phát triển từ đầu thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XVIII.

Tuồng ở Quảng Nam ra đời và hoạt động từ hai gánh hát Đức Giáo (nay thuộc xã Quế Châu, huyện Quế Sơn) và Khánh Thọ (nay thuộc huyện Phú Ninh). Hai thập niên đầu của thế kỉ XX là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của nghệ thuật này. Với sự ra đời của rạp hát Chú Châu (thành phố Hội An), trường Tuồng Vĩnh Điện (thị trấn Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn), trường Tuồng Bà Toa (xã Đại Thạnh, huyện Đại Lộc), tỉnh Quảng Nam đã thể hiện một bước chuyển biến thật sự của nghệ thuật Tuồng, từ phương thức hoạt động sân khấu nông thôn sang sân khấu đô thị, từ thực hành tín ngưỡng sang biểu diễn giải trí.

Một vở Tuồng được diễn trước công chúng là sự kết hợp của nhiều yếu tố nghệ thuật như: kịch bản, âm nhạc, múa, nghệ thuật hoá trang, phục trang,...

Kịch bản Tuồng có thể chia làm 4 loại: Tuồng cổ, Tuồng hàn lâm (Tuồng cung đình), Tuồng dân gian và Tuồng hài. Kịch bản Tuồng có thể chia làm 4 loại: Tuồng cổ, Tuồng hàn lâm (Tuồng cung đình), Tuồng dân gian và Tuồng hài. Cấu trúc kịch bản Tuồng khá chặt chẽ, tuân theo những quy luật riêng và được chia thành nhiều hồi, mỗi hồi có nhiều lớp. Thông thường, kịch bản Tuồng có 3 hồi. Tuy nhiên, cũng có vở gồm 4 hồi.

Âm nhạc Tuồng mang tính bi hùng, quy phạm và niêm luật chặt chẽ, được tạo ra từ sự tổng hợp các hình thức âm nhạc như nhạc hát và dàn nhạc. Nhạc hát có những điệu hát cơ bản như: nói lối, hát nam, hát khách, các làn điệu không nhịp và các làn điệu có nhịp. Dàn nhạc Tuồng có vị trí quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho diễn xuất, cổ vũ diễn viên hoà nhập với nhân vật, đồng thời tạo cảm hứng cho khán giả. Dàn nhạc gồm: bộ trống (trống chầu, trống chiến, trống cơm, trống bông, trống lệnh, trống bản), kèn, nhị/đàn cò và các nhạc cụ khác (thanh la, mõ, chuông, xập xã, kèn tây, organ, guitar,...).

Múa Tuồng – phương tiện chính để lột tả tính cách, tâm trạng nhân vật được chắt lọc từ những động tác trong sinh hoạt, lao động hàng ngày; tiếp thu những tinh hoa của những hình thái múa dân gian, múa tín ngưỡng, tôn giáo, trong tế lễ, hội hè, trong múa cung đình và trong võ thuật dân tộc. Các nhà nghiên cứu cho rằng, có 10 động tác múa cơ bản từ đơn giản đến phức tạp. Từ 10 động tác cơ bản này người nghệ sĩ đã sáng tạo ra hàng trăm động tác múa khác nhau. Tuồng xứ Quảng chuộng về Tuồng văn, múa ít, động tác nhẹ nhàng, uyển chuyển, ít khai thác động tác võ thuật.

Nghệ thuật hoá trang là điểm nổi bật, gây ấn tượng của Tuồng với 3 màu chủ đạo: trắng, đen, đỏ. Thủ pháp “tạo khối” được sử dụng để thể hiện hình tượng nhân vật; dựa trên màu vẽ khuôn mặt, các đường nét có thể nhận biết đó là nhân vật trung hay gian, thiện hay ác.

Phục trang của Tuồng phong phú, đặc trưng cho từng nhân vật, bao gồm: mũ, bào, giáp, cờ lệnh, mang, long chấn, áo đào, áo nhật bình, áo song khai, áo sĩ, áo thụng, áo bồi tử, áo bá nạp, áo chít/áo chễn, áo yếm tâm, xiêm trường, quần giáp, xa phu, cùn, mũo/mũ, râu ria, hia.

Sân khấu Tuồng mang tính ước lệ tượng trưng. Nhờ tài năng diễn xuất của diễn viên mà khán giả có thể hiểu được đó là cảnh cung điện lộng lẫy, nhà tù, hay rừng rậm âm u,...

Nghệ thuật Tuồng xứ Quảng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia theo Quyết định số 1877/QĐ-BVHTTDL ngày 08 tháng 6 năm 2015.

Theo thống kê của ngành văn hoá, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hiện tại có đến 19 câu lạc bộ Tuồng đang hoạt động khá thường xuyên.

Điều đáng chú ý là để bảo tồn và phát huy nghệ thuật Tuồng, tỉnh Quảng Nam chú trọng công tác “Sân khấu học đường” với việc đưa Tuồng vào trường học để đào tạo lớp kế thừa. Hi vọng những cách ứng xử với Tuồng của Quảng Nam sẽ là những bài học quý cho các địa phương trong cả nước trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống nói chung và Tuồng cổ nói riêng.



Hình 3.13. Phục trang trong nghệ thuật Tuồng



Hình 3.14. Mặt nạ Tuồng



Trình bày những nét cơ bản về:

- Nghệ thuật nói lí, hát lí của người Cơ Tu.
- Nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa.
- Nghệ thuật Tuồng xứ Quảng.



Hình 3.15. Các tác phẩm điêu khắc gỗ của người Cơ Tu



Hình 3.16. Nghệ nhân B'riiu Pố giới thiệu tác phẩm “Mẹ rừng”

EM CÓ BIẾT?

Bản sắc riêng từ nghệ thuật điêu khắc gỗ

Với người Cơ Tu, nghệ thuật điêu khắc gỗ thể hiện về thế giới cuộc sống xung quanh cũng như khát vọng lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống của dân tộc mình.

Nghệ thuật điêu khắc gỗ của người Cơ Tu có từ lâu đời. Từ các Gươl làng đến từng mái nhà của đồng bào đều được trang trí bằng điêu khắc đủ loại như: con người, loài vật hay những sinh hoạt cộng đồng, lễ hội,...

Những bức tượng và những tấm tranh điêu khắc gỗ đã làm cho nhà Gươl trở thành một biểu tượng, là niềm tự hào của người Cơ Tu. Đây là nơi thể hiện những tinh túy của nghệ thuật điêu khắc, hội hoạ trong kết cấu xây dựng nhà cửa.

Từ những phác hoạ đơn giản, các bức tranh điêu khắc gỗ của người Cơ Tu phản ánh được nhân sinh quan, thế giới quan về vũ trụ, trời đất, vạn vật và cả phong tục tập

quán sinh hoạt, lao động sản xuất của dân tộc mình.

Với những dụng cụ đơn sơ như rựa, rìu, đục,... các nghệ nhân người Cơ Tu đã khéo léo đục đẽo nên những bức tranh gỗ, những bức tượng đầy màu sắc và cực kì sinh động, thể hiện nội dung về con người, loài vật, lao động, sản xuất, những sinh hoạt cộng đồng, lễ hội.

Thông thường trong tác phẩm điêu khắc, người Cơ Tu rất hay sử dụng hai màu chủ đạo là màu chàm đen và màu đỏ để trang trí. Trong đó, màu chàm đen lấy từ cây tà râm và củ ma rớt là màu của đất, còn màu đỏ từ củ nâu là màu của mặt trời. Đây là hai màu sắc của những vật thiêng không thể thiếu trong đời sống của người Cơ Tu.

Nghệ thuật điêu khắc gỗ của người Cơ Tu vẫn còn sức sống mạnh mẽ trong đồng bào. Loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo này cần được quan tâm nuôi dưỡng, phát huy trong cuộc sống đương đại.



LUYỆN TẬP

1. Hãy kể thêm các hình thức nghệ thuật truyền thống có ở địa phương em.
2. Hãy mô tả một hình thức nghệ thuật truyền thống mà em vừa kể tên.
3. Vì sao cần phải gìn giữ và phát huy nghệ thuật truyền thống ở tỉnh Quảng Nam?



VẬN DỤNG

1. Làm việc theo nhóm để nghiên cứu, tìm hiểu những nét đặc sắc trong nghệ thuật điêu khắc gỗ của người Cơ Tu.
2. Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy thuyết minh về một nghệ thuật truyền thống nổi bật của địa phương.
3. Chọn một trong các hình thức diễn xướng dân gian (hát ru, hát Bài chòi, hát dân ca, hát Bả trạo,...) để tập luyện và trình bày trước lớp.
4. Hãy đề xuất một vài cách tuyên truyền quảng bá về một hình thức nghệ thuật truyền thống ở địa phương em.

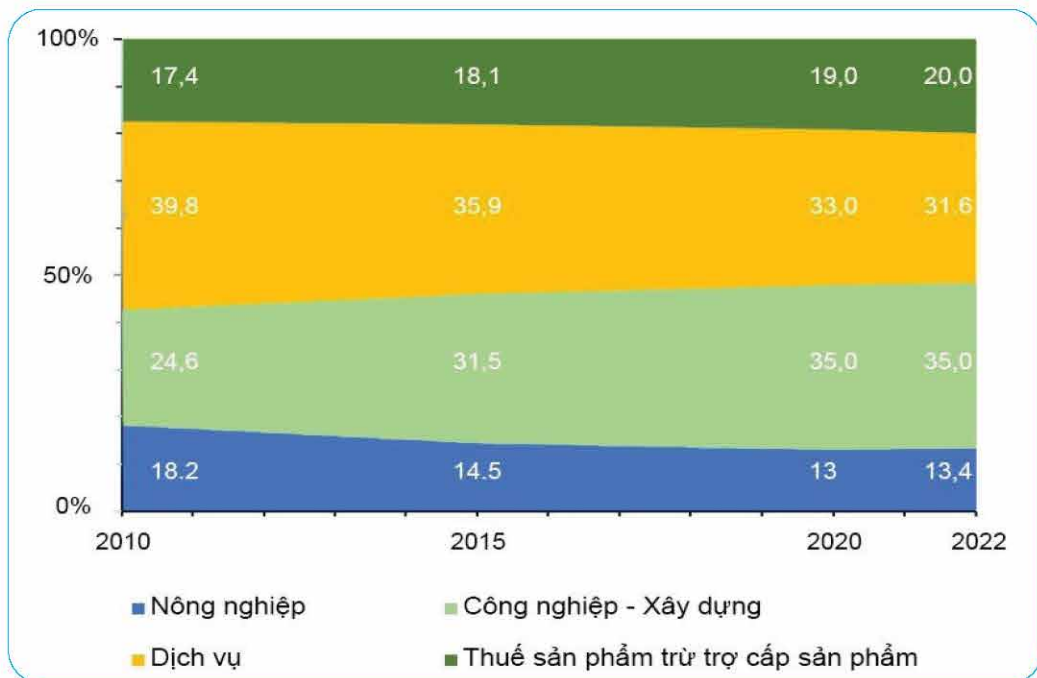
Mục tiêu

- Trình bày được một số thực trạng phát triển dịch vụ ở tỉnh Quảng Nam.
- Nêu được những định hướng cơ bản trong phát triển ngành dịch vụ ở tỉnh Quảng Nam.
- Biết được nhu cầu nhân lực của ngành dịch vụ và định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.



MỞ ĐẦU

Cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Nam ngày càng chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong đó, lĩnh vực dịch vụ cùng với công nghiệp đóng vai trò dẫn dắt tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.



Hình 4.1. Cơ cấu GRDP của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2010 - 2022 (giá so sánh 2010)



1. Khái quát về dịch vụ tỉnh Quảng Nam

– Khu vực dịch vụ giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế tỉnh Quảng Nam. Trong giai đoạn 2011 – 2020, khu vực dịch vụ tỉnh Quảng Nam có bước tăng trưởng khá và tương đối ổn định, với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 7,56%, cao hơn mức bình quân chung của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT).

– Năm 2020 và năm 2021, các hoạt động thương mại, vận tải và du lịch chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19. Đặc biệt, ngành du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề với lượng khách và doanh thu giảm mạnh.

– Trong cơ cấu khu vực dịch vụ, nhiều ngành có tỉ trọng đóng góp trên 10% trong tổng giá trị tăng thêm ngành dịch vụ như: dịch vụ bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, xe máy; dịch vụ lưu trú và ăn uống; ngành tài chính ngân hàng và bảo hiểm; kinh doanh bất động sản...



Hình 4.2. Cảng Chu Lai

2. Thương mại

2.1. Thực trạng phát triển thương mại

– Thương mại nội địa:

Tỉnh Quảng Nam có quy mô dân số khá đông, cơ cấu dân số đang trong thời kỳ “dân số vàng”. Cơ sở vật chất kĩ thuật rất tốt với hệ thống hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, kết nối giữa các huyện, thị và cả nước. Nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế hoạt động có hiệu quả... thúc đẩy sự phát triển thương mại nội địa.

Giai đoạn 2011 – 2020, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (TMBLHH&DTDV) trên địa bàn tỉnh đạt mức tăng trưởng khá cao, bình quân 14%/năm, cao hơn mức tăng trưởng 11,1%/năm của cả nước.

Lĩnh vực bán lẻ hàng hoá chiếm tỉ trọng chủ yếu, tập trung ở nhóm lương thực thực phẩm, xăng dầu các loại, gỗ và vật liệu xây dựng... riêng doanh thu lưu trú, ăn uống và dịch vụ du lịch, lữ hành chiếm 30% TMBLHH&DV. Khu vực ngoài Nhà nước có vai trò quan trọng trong hoạt động bán lẻ hàng hoá tỉnh Quảng Nam. Giai đoạn 2016 – 2020, doanh thu bán lẻ hàng hoá từ khu vực ngoài Nhà nước giữ ổn định ở mức 94,7% tổng doanh thu bán lẻ hàng hoá.

– Hoạt động xuất nhập khẩu:

Vị trí địa lí thuận lợi cho giao thông hàng hải là cơ sở quan trọng để tỉnh Quảng Nam trở thành địa phương có khu kinh tế mở đầu tiên cùng với nhiều khu công nghiệp nằm ven biển, hết sức thuận lợi cho các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.

Giai đoạn 2011 – 2020, hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam gia tăng đáng kể, tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt 20,92 tỉ USD.

Xuất khẩu hàng hoá tăng trưởng nhanh, đóng góp tích cực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu cải thiện theo hướng tích cực, giảm tỉ trọng xuất khẩu hàng thô, tăng tỉ trọng hàng qua chế biến, chế tạo. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: dệt may, da giày, gỗ các loại, hàng thuỷ sản.

Nhập khẩu hàng hoá tăng trưởng bình quân 16,4%/năm. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là tư liệu sản xuất (chiếm trên 98% tổng giá trị nhập khẩu) phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất; trong đó có sự dịch chuyển mạnh giữa hai nhóm tư liệu sản xuất: máy móc, thiết bị và nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất. Các mặt hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng rất nhỏ.

Tỉnh Quảng Nam có 02 cửa khẩu gồm: cửa khẩu quốc tế Nam Giang và cửa khẩu phụ Tây Giang. Các hoạt động xuất nhập khẩu, buôn bán, trao đổi hàng hoá tập trung chủ yếu tại cửa khẩu Nam Giang, với cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng và dần hoàn thiện, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế – xã hội khu vực biên giới.

– Dịch vụ vận tải và logistics:

Trong giai đoạn 2011 – 2019, dịch vụ vận tải, kho bãi đạt tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 9,5%/năm, mức tăng trưởng cao đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam.

Năm 2020, vận tải hành khách và vận tải hàng hoá đều giảm mạnh, dịch vụ vận tải, kho bãi chịu ảnh hưởng ngừng trệ do các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19.

2.2. Định hướng phát triển thương mại tỉnh Quảng Nam

– Phát triển thương mại hàng hoá gắn với du lịch; nghiên cứu quy hoạch các tuyến phố thúc đẩy phát triển kinh tế đêm.

– Đẩy mạnh xúc tiến thương mại phù hợp với nhu cầu và năng lực xúc tiến thương mại của doanh nghiệp địa phương, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại.

– Xây dựng thương hiệu quốc gia đối với các sản phẩm đặc sản, khai thác cơ hội các Hiệp định thương mại tự do (FTA) để đẩy mạnh xuất khẩu. Chú trọng kích cầu tiêu dùng để khai thác tiềm năng sức mua trong tỉnh.

– Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực cao phục vụ cho nhu cầu phát triển dịch vụ của tỉnh và khu vực miền Trung.



1. Em hãy trình bày tình hình phát triển thương mại tỉnh Quảng Nam.
2. Em hãy nêu các định hướng phát triển thương mại tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới.

EM CÓ BIẾT?

Nội dung chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025

1. Thông tin thương mại và tuyên truyền, quảng bá để tiêu thụ hàng hoá ở trong nước và nước ngoài.

2. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại ở trong nước, nước ngoài.

3. Tổ chức đoàn giao thương tham gia các sự kiện xúc tiến tiêu thụ hàng hoá; xúc tiến tổng hợp, hội nghị, hội thảo; khảo sát thị trường, quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá ở trong nước và nước ngoài.

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về thông tin thị trường, chính sách

xuất nhập khẩu và nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển năng lực và kĩ năng kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã và thương nhân trong tỉnh.

5. Tham mưu bố trí kinh phí hỗ trợ xây dựng các trung tâm, điểm bán sản phẩm OCOP, điểm bán hàng Việt trên địa bàn tỉnh: Giai đoạn 2021 – 2025, hỗ trợ xây dựng 45 điểm bán hàng OCOP, 10 trung tâm OCOP cấp huyện, 02 trung tâm OCOP cấp tỉnh và 01 trung tâm OCOP cấp vùng.

6. Hoạt động xúc tiến thương mại vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS& MN).

3. Du lịch

3.1. Tiềm năng du lịch

Tài nguyên du lịch ở tỉnh Quảng Nam có giá trị rất cao, độc đáo, tạo nên lợi thế vượt trội khi so sánh với các địa phương khác và các nước trong khu vực.

Tài nguyên du lịch tự nhiên là thế mạnh để phát triển nhiều sản phẩm du lịch, với bờ biển trải dài 125km, có nhiều bãi biển đẹp, nhiều đảo ven bờ, rất lí tưởng cho phát triển du lịch biển và nghỉ dưỡng như: An Bàng, Hà My, Cửa Đại, Bình Minh, Tam Thanh, Tam Tiến. Ngoài ra, tỉnh Quảng Nam còn có tiềm năng du lịch sinh thái rất lớn với sự phong phú của các hệ sinh thái và giá trị đa dạng sinh học,

trong đó tiêu biểu là Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An. Các sông Thu Bồn và Vu Gia với nhiều cảnh quan đẹp, hùng vĩ gắn với nhiều di tích văn hoá đặc sắc,...

Tài nguyên du lịch nhân văn rất đa dạng, độ hấp dẫn cao. Tỉnh Quảng Nam là nơi giao thoa của nhiều nền văn hoá; tiêu biểu là văn hoá Chăm-pa, Nhật Bản, Trung Hoa,... với hệ thống các di tích lịch sử, văn hoá, các lễ hội, làng nghề truyền thống như: mộc Kim Bồng, gốm Thanh Hà, nghề dâu tằm Duy Trinh, đúc đồng Phước Kiều, gốm sứ La Tháp... Đặc biệt Đô thị cổ Hội An và Khu Đền tháp Mỹ Sơn là hai di sản văn hoá thế giới.

Tỉnh Quảng Nam là nơi lưu giữ, bảo tồn nhiều giá trị văn hoá phi vật thể, nhiều lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian như: Tuồng, Bài chòi, Bả trạo... Đặc biệt Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Tỉnh Quảng Nam có sự đa dạng các đặc trưng văn hoá của nhiều dân tộc như Cơ Tu, Xơ Đăng, Co, Gié-Triêng...; Những món ăn đặc sản và văn hoá ẩm thực của người Quảng, góp phần làm cho đất Quảng trở nên gần gũi, ấn tượng mạnh với du khách.

Như vậy, du lịch di sản, du lịch biển đảo là thế mạnh nổi trội nhất, khẳng định thương hiệu du lịch tỉnh Quảng Nam so với các địa phương trong nước và quốc tế. Nằm ở "trung điểm" của cả nước, với lợi thế về tiềm năng, Quảng Nam trở thành trung tâm du lịch kết nối các vùng trong cả nước và quốc tế như: Thừa Thiên Huế – Đà Nẵng, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á.



Hình 4.3. Học sinh người Ca Dong tại Trường PTDNT Nước Oa tái hiện nghi thức Tết mùa



Hình 4.4. Một góc phố ở Đô thị cổ Hội An tỉnh Quảng Nam

3.2. Thực trạng phát triển ngành du lịch

Trong giai đoạn 2015 – 2019, tốc độ tăng bình quân về lượt khách du lịch của toàn tỉnh khá cao, khoảng 19,3%/năm. Cùng với sự tăng trưởng về số lượng khách, doanh thu từ du lịch cũng tăng nhanh.

Bảng: Kết quả hoạt động ngành du lịch tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 – 2019

Chỉ tiêu	Quy mô				Tăng trưởng (%)
	2016	2017	2018	2019	2016 – 2019
Tổng lượt khách (nghìn lượt)	4.360	5.350	6.520	7.790	19,3
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	2.415	2.548	2.865	3.217	10,0

(Nguồn: Tổng hợp từ NGTK tỉnh Quảng Nam)

Cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng... phát triển khá nhanh, tạo sức hút lực lượng lao động vừa trực tiếp và gián tiếp, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Hệ thống sản phẩm du lịch khá đa dạng; trong đó nhóm sản phẩm du lịch chính là du lịch di sản và du lịch nghỉ dưỡng biển. Bên cạnh đó, sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm văn hoá các dân tộc thiểu số, du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực bắt đầu phát triển.

Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch được tổ chức với nhiều sự kiện văn hoá du lịch lớn như: Hội thi Hợp xướng quốc tế, Festival Di sản Quảng Nam...



Hình 4.5. Đồng bào Cơ Tu trình diễn vũ điệu Tân'tung Da'dá

3.3. Định hướng phát triển ngành du lịch tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

– Phát triển du lịch không thể tách rời chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam và của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có liên quan trên địa bàn.

– Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bền vững trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, đặc biệt thế mạnh đặc thù

về di sản thế giới; phát triển du lịch phải gắn liền với bảo tồn các giá trị tài nguyên, môi trường, văn hoá, đóng góp tích cực cho nỗ lực xoá đói giảm nghèo và thích ứng với biến đổi khí hậu.

– Phát triển du lịch phải dựa vào nội lực, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng chất lượng tăng trưởng và tính chuyên nghiệp; đa dạng hoá sản phẩm du lịch cùng với việc ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch đặc thù; xây dựng thương hiệu và nâng cao tính cạnh tranh của điểm đến.

– Phát triển du lịch không tách rời các mục tiêu bảo đảm quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội.

– Phát triển du lịch trong mối liên kết chặt chẽ và thực chất với các địa phương trong vùng, đặc biệt với thành phố Đà Nẵng và các địa bàn trọng điểm du lịch quốc gia để phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh chung về du lịch.



Hình 4.6. Một góc Khu đền tháp Mỹ Sơn xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam



Em hãy tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về Festival Di sản Quảng Nam.

4. Các dịch vụ khác

– Về giáo dục và đào tạo, mạng lưới trường, lớp được quy hoạch, sắp xếp phù hợp với hệ thống giáo dục quốc dân và nhu cầu học tập của địa phương; quy mô các ngành học, cấp học tiếp tục được mở rộng; chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao.

– Về y tế không ngừng được nâng lên cả về số lượng, chất lượng dịch vụ và mạng lưới. Các tuyến y tế trên toàn tỉnh không ngừng được củng cố, kiện toàn và phát triển.

– Ngoài ra, các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông, dịch vụ tài chính – ngân hàng, dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh... bước đầu có nhiều khởi sắc và phát triển theo hướng chuyển đổi số, sẽ tạo động lực trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.



LUYỆN TẬP

1. Hoạt động của các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại (nếu có) nơi em sinh sống đã tạo thuận lợi như thế nào cho đời sống nhân dân?
2. Em hãy nhận xét tình hình phát triển ngành du lịch của tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 – 2019.



VẬN DỤNG

1. Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu một số sản phẩm du lịch nổi bật của tỉnh Quảng Nam cho du khách.
2. Theo em, để phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Nam, nguồn nhân lực cần đáp ứng những yêu cầu gì?

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

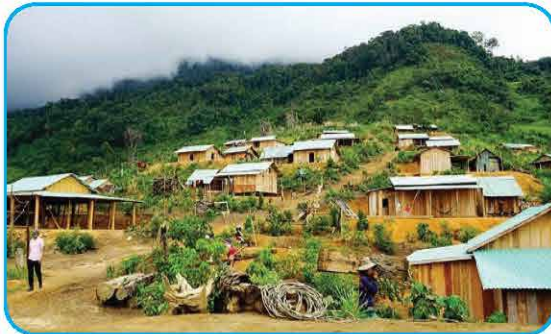
- Nhận biết được những nét chính về chính sách an sinh xã hội.
- Hiểu được tình hình thực hiện một số chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Quảng Nam.
- Có thái độ tích cực đối với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở địa phương.



MỞ ĐẦU

An sinh xã hội (ASXH) là một trong những vấn đề cốt yếu trong công tác quản lý xã hội. Nhiều năm qua, cùng với cả nước, tỉnh Quảng Nam quan tâm đến chính sách ASXH nhằm góp phần ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế địa phương và giữ vững an ninh, an toàn, trật tự xã hội.

Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời các câu hỏi:



Hình 5.1. Sắp xếp lại chỗ ở cho người dân miền núi ở tỉnh Quảng Nam



Hình 5.2. Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam khai giảng năm học 2018 – 2019



Hình 5.3. Lãnh đạo tỉnh gặp gỡ, đối thoại với công nhân, người lao động năm 2022



Hình 5.4. Quang cảnh sinh hoạt tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần tỉnh Quảng Nam



1. Những hình ảnh trên phản ánh điều gì về hoạt động của xã hội đối với cuộc sống người dân?
2. Những hoạt động đó có tác dụng gì đối với đời sống xã hội?



KIẾN THỨC MỚI

1. Khái lược về chính sách ASXH

Chính sách ASXH được hiểu là hệ thống các chính sách, chương trình của Nhà nước và tổ chức xã hội nhằm trợ giúp toàn xã hội, cá nhân gặp phải biến cố, rủi ro đảm bảo các dịch vụ cơ bản, thiết yếu, đáp ứng được mức sống tối thiểu và nâng cao đời sống.

Nội dung cốt lõi của chính sách ASXH gồm: Chính sách đảm bảo việc làm, tạo thu nhập và giảm nghèo cho người dân; Chính sách bảo hiểm xã hội nhằm hỗ trợ người dân giảm thiểu rủi ro về sức khỏe; Chính sách trợ giúp xã hội nhằm hỗ trợ cho người dân khắc phục các rủi ro, vượt quá khả năng kiểm soát như mất mùa, đói nghèo; Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận hệ thống các dịch vụ xã hội ở mức tối thiểu như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin truyền thông, trợ giúp pháp lí.

Thực hiện hiệu quả các chính sách ASXH giúp phòng ngừa, giảm thiểu những tác hại do các biến cố, rủi ro gây ra cho cuộc sống xã hội và người dân; góp phần giữ vững an ninh, ổn định và phát triển xã hội.



Hình 5.5. Lãnh đạo tỉnh Quảng Nam gặp gỡ, tặng quà cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn



Hình 5.6. Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam trao tặng số BHXH cho người dân có hoàn cảnh khó khăn ở huyện Đại Lộc



1. Em biết được gì về chính sách ASXH?
2. Nêu ý nghĩa của việc thực hiện chính sách ASXH.

2. Tình hình thực hiện một số chính sách ASXH ở tỉnh Quảng Nam

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Là một tỉnh có 9/18 huyện miền núi, trong đó có 6 huyện miền núi cao, biên giới, Quảng Nam là một trong những tỉnh có đối tượng thuộc diện chính sách xã hội lớn so với cả nước. Vì thế, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, Tỉnh uỷ, Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ban hành, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch thực hiện nhiều chính sách ASXH⁽¹⁾.



Em hãy nêu một vài ví dụ cụ thể về việc thực hiện chính sách ASXH trong nhà trường hoặc ở địa phương nơi em sinh sống.

2.2. Tình hình, kết quả thực hiện

2.2.1. Chính sách đảm bảo việc làm, tạo thu nhập và giảm nghèo cho người dân

Công tác giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo ASXH. Nhiều năm qua, tỉnh Quảng Nam đã triển khai và tập trung nhiều nguồn lực để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết về công tác giảm nghèo⁽²⁾, Hội đồng nhân dân đã ban hành nhiều cơ chế khuyến khích thoát nghèo bền vững, hỗ trợ cải thiện mức sống⁽³⁾ và triển khai thực hiện hiệu quả với nhiều giải pháp đồng bộ như: hỗ trợ cho hộ nghèo về tín dụng ưu đãi, cho vay vốn để phát triển sản xuất; sửa chữa, xây mới nhà ở; hỗ trợ bảo hiểm y tế, hỗ trợ chi phí học tập...

Dịch vụ hỗ trợ kinh tế nông thôn có bước phát triển mới. Hàng năm, ngân sách tỉnh đã trích hàng tỉ đồng để hỗ trợ cho hộ nghèo vay vốn, thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù của tỉnh. Chính sách hỗ trợ lãi suất cho hộ nghèo vay của Nhà nước bao phủ đến 100% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện cho người dân tích cực sản xuất, tăng thu nhập, ổn định đời sống và thoát nghèo bền vững.

Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất như đào tạo nghề, giải quyết việc làm,... đã giúp người nghèo có việc làm, đi xuất khẩu lao

(1) Nghị quyết 06/NQ-TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy (Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ III, Khoá XXII) về Tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tham gia, giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng chính sách người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Kế hoạch số 2335/KH-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Hành động phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2025. Kế hoạch số 7704/KH-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Trợ giúp người khuyết tật tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2030.

(2) Nghị quyết 06/NQ-TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy (Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ III, Khoá XXII) về Tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

(3) Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng chính sách người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

động, góp phần phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm thường xuyên. Nhiều cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài được ban hành và phát huy hiệu quả. Từ năm 2015 đến đầu năm 2022, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 87 000 lao động, trong đó có 6 000 lao động đi làm việc theo hợp đồng tại nước ngoài. Thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng, bình quân tăng 13%/năm.⁽⁴⁾



Hình 5.7. Làm thủ tục cho hộ nghèo, đối tượng chính sách vay vốn tại điểm giao dịch xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam



Hình 5.8. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Quảng Nam



Em có thể cho biết chính sách đảm bảo việc làm, tăng thu nhập... đã tác động tích cực đến đời sống nhân dân địa phương em sinh sống như thế nào?

EM CÓ BIẾT?

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm từ 12,90% năm 2016 xuống còn 5,23% năm 2020; bình quân mỗi năm giảm 1,53%. Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 2,87%, trong đó, tỉ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo

trợ xã hội còn khoảng 10%; các phường, thị trấn, thị xã, thành phố không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội); tỉ lệ nghèo của các xã nghèo, huyện nghèo giảm bình quân từ 3 đến 4%/năm; tỉ lệ hộ cận nghèo giảm thấp hơn tỉ lệ hộ cận nghèo chung của cả nước.

(4) Đề cương tuyên truyền kỉ niệm 25 năm ngày tái lập tỉnh (01/01/1997-01/01/2022). Nguồn: <http://quangnam.dcs.vn>.

EM CÓ BIẾT?

Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo tự giác đăng kí thoát nghèo được hỗ trợ kinh phí thoát nghèo bền vững; đảm bảo nguồn vốn vay cho 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đủ điều kiện có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh; phấn đấu 100% người nghèo trong độ tuổi lao động

có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định.

(Nguồn: Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 04/5/2021 Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ ba, khoá 12 về tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025)

2.2.2. Chính sách bảo hiểm xã hội cho người dân

Trong nhiều năm qua, các loại hình bảo hiểm cho người dân được bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Quảng Nam mở rộng với các sản phẩm đa dạng. Đối tượng tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) ngày càng tăng; hệ thống chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT từng bước được hoàn thiện, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Đối tượng tham gia BHXH được mở rộng; người lao động tự nguyện tham gia BHXH ngày càng tăng; việc giải quyết các chế độ BHXH kịp thời, thuận lợi; việc chi trả lương hưu và các chế độ BHXH được kịp thời, đầy đủ. BHYT bắt buộc đối với học sinh, sinh viên được đẩy mạnh. Các chính sách đối với người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người già, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Hoạt động khám chữa bệnh ban đầu cho người dân ngày càng được quan tâm; việc khám, chữa bệnh theo chế độ BHYT được chi trả kinh phí kịp thời, đúng quy định. Tỉnh đã và đang tiếp tục thực hiện trích nguồn ngân sách mua thẻ BHYT cho người nghèo, người có công với cách mạng, người tàn tật và rủi ro về sức khoẻ; hỗ trợ việc mua thẻ BHYT cho người cận nghèo. Hệ thống y tế được tăng cường cả về cơ sở vật chất và nhân lực. Mạng lưới y tế được tăng cường đầu tư, kiện toàn và nâng cao chất lượng nhằm đảm bảo phục vụ tốt việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu và khám chữa bệnh, giải quyết đầy đủ chế độ BHYT cho người dân.

Song song với phát triển dịch vụ khám, chữa bệnh, các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại các vùng nghèo, đối với hộ nghèo ngày càng phát triển dưới nhiều hình thức như việc thiết lập các tổ, đội y tế lưu động đi khám, chữa bệnh, thực hiện các hoạt động phòng bệnh theo định kì ở các thôn, bản.



Hình 5.9. Khám bệnh cho người cao tuổi ở huyện Đại Lộc



Hình 5.10. Bảo hiểm xã hội tỉnh kí kết hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế với phòng khám tư nhân



Em hãy nêu lợi ích của việc tham gia BHXH, BHYT.

EM CÓ BIẾT?

Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam Quy định chính sách hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025 quy định:

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tham gia BHXH tự nguyện tại BHXH các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, bao gồm:

a) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố, khu phố.

c) Người lao động giúp việc gia đình.

d) Người tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không hưởng tiền lương.

đ) Xã viên không hưởng tiền lương, tiền công làm việc trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

e) Người nông dân, người lao động tự tạo việc làm bao gồm những người tự tổ chức hoạt động lao động để có thu nhập cho bản thân và gia đình.

f) Người lao động đã đủ điều kiện về tuổi đời nhưng chưa đủ điều kiện về thời gian đóng để hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

g) Người tham gia khác.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến BHXH tự nguyện.

EM CÓ BIẾT?

Điều 3. Mức, thời gian hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tăng thêm tỉ lệ phần trăm (%) trên mức đóng BHXH tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 ngoài tỉ lệ phần trăm đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện, cụ thể:

a) Hỗ trợ tăng thêm 10% đối với người tham gia BHXH tự nguyện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hỗ trợ tăng thêm 5% đối với các đối tượng khác.

2. Thời gian hỗ trợ:

Hỗ trợ theo thời gian thực tế tham gia BHXH tự nguyện của từng đối tượng từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2025.

2.2.3. Chính sách trợ giúp đột xuất và hỗ trợ thường xuyên cho người dân khắc phục các rủi ro khó lường

Trợ giúp xã hội là một bộ phận trong chính sách ASXH được các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh quan tâm. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các hình thức trợ cấp xã hội được triển khai thực hiện rộng hơn về quy mô, đối tượng thụ hưởng với mức trợ cấp ngày càng tăng.

Việc thực hiện chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội được triển khai thực hiện hiệu quả như: tăng mức chuẩn cơ sở trợ giúp xã hội cho đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ một số chế độ tăng thêm cho đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội gồm: Hỗ trợ tiền bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em dưới 04 tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng không có khả năng tự phục vụ, nằm một chỗ; Hỗ trợ thêm cho đối tượng phải điều trị tại bệnh viện; Hỗ trợ tiền thuốc chữa bệnh thông thường; thuốc chữa bệnh đặc thù cho người tâm thần mãn tính, ...⁽⁵⁾. Trong năm 2022, tỉnh Quảng Nam đã thực hiện trợ cấp xã hội cho 3.046 đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng với tổng kinh phí thực hiện 7.095.280.000 đồng.

(5) Báo cáo số 279/BC-LĐTĐBXH ngày 24/11/2022 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam về Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh khó khăn theo Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam.

Nhờ làm tốt công tác hỗ trợ thường xuyên cho người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp rủi ro trong cuộc sống đã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Cho nên, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đối tượng tham gia và thụ hưởng các chính sách ASXH ngày càng mở rộng, năng lực của người dân về phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục những rủi ro để ổn định cuộc sống, hoà nhập cộng đồng được nâng lên.



Hình 5.11. Ngân hàng Bưu điện liên Việt Chi nhánh Quảng Nam đồng hành cùng chính sách xoá nhà tạm cho người dân vùng khó khăn



Hình 5.12. Tặng quà cho trẻ em Làng Hoà Bình Quảng Nam



Qua các thông tin, số liệu nêu trên, em có nhận xét gì về sự quan tâm của tỉnh Quảng Nam đối với chính sách trợ giúp xã hội cho người dân?

EM CÓ BIẾT?

Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định:

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh ngoài quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, bao gồm:

a) Người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến

bị nhiễm chất độc hóa học ngoài đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ngoài đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (mẹ hoặc cha) mất thông tin liên lạc ngoài đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

EM CÓ BIẾT?

d) Người từ 16 đến 22 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (mẹ hoặc cha) mất thông tin liên lạc, đang học văn hoá, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất ngoài đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 6, khoản 8 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

đ) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo ngoài đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

e) Trẻ em dưới 16 tuổi có cha hoặc mẹ bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng tại cộng đồng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 3, con của đối tượng quy định tại khoản 4, đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

f) Người bị mắc một trong các bệnh hiểm nghèo theo quy định của cơ quan y tế có thẩm quyền, trừ những người được hưởng chế độ tiền lương; tiền công; lương hưu; các chế độ chính sách trợ cấp, trợ giúp, phụ cấp ưu đãi thường xuyên, hằng tháng.

2.2.4. Chính sách trợ giúp cho người dân được đảm bảo giáo dục tối thiểu, nhà ở tối thiểu, đảm bảo nước sạch và tiếp cận thông tin

Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, các vấn đề xã hội như giáo dục tối thiểu, nhà ở tối thiểu, đảm bảo nước sạch và tiếp cận thông tin,... đối với hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số được đáp ứng, đảm bảo việc thực hiện các chính sách ASXH.

Hệ thống trường, lớp mầm non và giáo dục phổ thông được nâng cấp, chất lượng dạy và học nâng lên đáng kể. Năm học 2022 – 2023, toàn tỉnh có 797 trường; trong đó, Mầm non, mẫu giáo có 286 trường; Tiểu học có 234 trường, Trung học cơ sở có 218 trường, Trung học phổ thông có 61 trường. Nhiều địa phương, nhất là ở vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa còn xây dựng thêm các điểm trường, tạo thuận lợi cho trẻ được đi học. Đáng chú ý là số trường đạt Chuẩn quốc gia tăng dần theo từng năm. Năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 533 trường đạt Chuẩn quốc gia; trong đó có 165 trường Mầm non, đạt 58,1%, 189 trường Tiểu học, đạt 76,8%; 189 trường Trung học cơ sở, đạt 72,7% và 22 trường Trung học phổ thông, đạt 40,8%, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội được tăng cường cả số lượng và chất lượng. Điều kiện sống của nhân dân được cải thiện, từng bước được nâng cao. Số hộ có nhà ở kiên cố và bán kiên cố chiếm hơn 96,8%. Số hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp

vệ sinh đạt 95%. Số hộ xử lý chất thải tập trung theo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Số hộ sử dụng ti vi đạt 92%, máy vi tính đạt 23,4%, tủ lạnh đạt 75%, ...⁽⁶⁾.

Hệ thống giao thông tiếp tục được xây dựng mới và nâng cấp, có tính kết nối cao. Tại thời điểm 01/7/2020, tỉ lệ xã có đường ô tô từ trung tâm xã đến trung tâm huyện chiếm 99,01% tổng số xã khu vực nông thôn; tỉ lệ số thôn có đường ô tô đến trụ sở UBND xã so với tổng số thôn trên địa bàn tỉnh đạt 98,1%, góp phần làm giảm chi phí sản xuất, giảm cách biệt về địa lí của các vùng nghèo, xã nghèo. Hệ thống thiết chế văn hoá được bổ sung hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thụ hưởng văn hoá và cập nhật thông tin của dân cư. Toàn tỉnh có 164 xã có nhà văn hoá xã, chiếm 80,7%; 153 xã có điểm bưu điện văn hoá xã, chiếm 75,4%; 65 xã có thư viện xã, chiếm 32,1% so với tổng số xã trên địa bàn nông thôn; trong đó 36 thư viện xã có máy tính kết nối internet phục vụ độc giả. Toàn tỉnh có 12 huyện, thị xã, thành phố lắp đặt hệ thống loa truyền thanh cho tất cả các xã trên địa bàn và 8 địa phương có 100% hệ thống loa truyền thanh kết nối từ xã về thôn⁽⁷⁾.

Ngoài ra, tỉnh đã đầu tư xây dựng hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, tạo điều kiện cho người dân thuận lợi trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, thoát nghèo bền vững, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng vùng biên giới.

Những kết quả đạt được nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách ASXH, là bước tiến mới trong thực hiện công bằng xã hội, tác động tốt đến tình hình phát triển kinh tế, ổn định xã hội ở địa phương, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.



Hình 5.13. Khám bệnh miễn phí cho người dân xã đảo Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam



Hình 5.14. Những ngôi nhà mới cho đồng bào vùng bị sạt lở núi xã Trà Leng

(6) Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 25 năm ngày tái lập tỉnh (01/01/1997-01/01/2022). Nguồn: <http://quangnam.dcs.vn>.

(7) Nguồn: <https://consosukien.vn/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-nong-thon-quang-nam-giai-doan-2016-2020-buc-tranh-nhieu-gam-sang.htm>.



Em hãy nêu những kết quả thực hiện chính sách trợ giúp cho người dân được đảm bảo giáo dục tối thiểu, nhà ở tối thiểu, đảm bảo nước sạch và tiếp cận thông tin.

2.3. Một số khó khăn trong việc thực hiện chính sách ASXH và giải pháp khắc phục

2.3.1. Khó khăn

Tình hình thực hiện chính sách ASXH ở tỉnh ta còn gặp những khó khăn sau:

– Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh vẫn còn cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước; nhất là khu vực miền núi, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác lãnh đạo, tổ chức, điều hành, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững vẫn còn bất cập. Công tác điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo có nơi vẫn còn sai sót.

– Tình trạng né tránh, không tham gia BHXH, BHYT cho người lao động hoặc tham gia không đủ số lao động, tham gia với mức lương thấp hơn mức lương thực tế trả cho người lao động vẫn còn xảy ra ở một số đơn vị sử dụng lao động. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh BHYT còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT cho nhân dân. Chất lượng đào tạo nghề chưa cao, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp. Mức trợ cấp xã hội, bảo trợ xã hội và tỉ lệ người tham gia BHXH, BHYT còn thấp.

– Các chính sách ASXH ban hành quá nhiều với nguồn lực đầu tư lớn, liên quan đến nhiều đối tượng, dẫn đến một số chính sách còn chồng chéo, bất hợp lí.

– Lực lượng cán bộ làm công tác ASXH mỏng về số lượng, trình độ còn hạn chế, thiếu phương tiện làm việc và thường xuyên thay đổi dẫn đến tình trạng bất cập trong điều tra, quản lí và đưa chính sách đến đối tượng thụ hưởng.

– Nguồn lực đầu tư thực hiện chính sách ASXH còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước trong khi số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn và số thôn, xã đặc biệt khó khăn và huyện nghèo nhiều; một số chương trình, chính sách ban hành có mức đầu tư thấp, đa phần mang tính hỗ trợ về ASXH (y tế, nhà ở, tiền điện ...), các chính sách hỗ trợ sinh kế để phát triển sản xuất chưa nhiều; công tác thanh tra, kiểm tra nhiều nơi chưa được coi trọng.

2.3.2. Giải pháp

– Các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Nam tăng cường công tác lãnh đạo, quản lí, điều hành việc thực hiện chính sách ASXH; tiếp tục xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách, người dân gặp khó khăn, đảm bảo ASXH.

– Huy động tối đa mọi nguồn lực gắn với triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách ASXH. Xây dựng, nhân rộng các mô hình thực hiện các chính sách ASXH hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững.

– Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn dân về sự cần thiết và ý nghĩa nhân văn của chính sách ASXH; có giải pháp huy động toàn dân tích cực hưởng ứng, ủng hộ các cuộc vận động, các hoạt động gây quỹ "Vì người nghèo", quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", các công tác thiện nguyện vì cuộc sống ổn định, phát triển của xã hội.

– Đối với ngành giáo dục, khuyến khích nhà giáo và học sinh tham gia thực hiện chính sách ASXH trong nhà trường và ở địa phương, hướng tới sự ổn định, phòng ngừa các rủi ro; tương trợ, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống.



Hình 5.15. Lãnh đạo huyện Nam Trà My đến các thôn, làng xa để tuyên truyền người dân hướng thoát nghèo



Hình 5.16. Tổ chức tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đến cơ sở thông qua Đêm hội bài chòi



1. Theo em, việc thực hiện chính sách ASXH ở địa phương nơi em sinh sống còn gặp những khó khăn nào?

2. Em có thể cho biết trách nhiệm của thanh niên học sinh đối với việc thực hiện chính sách ASXH.

LUYỆN TẬP

1. Thảo luận nhóm: Tìm hiểu, liệt kê những hoạt động thực hiện chính sách ASXH trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Chọn và trình bày cụ thể một chính sách ASXH tiêu biểu.

2. Thảo luận nhóm: Tìm hiểu các nguyên nhân gây ra những khó khăn cho việc thực hiện chính sách ASXH trên địa bàn tỉnh. Theo em, nguyên nhân nào là chủ yếu? Vì sao?

3. Suy nghĩ và đề xuất những việc cần làm và giải pháp thực hiện đối với chính sách ASXH tại địa phương (xã, huyện/thị/thành phố nơi em sống). Giải thích lí do đề xuất.

VẬN DỤNG

Tổ chức đi thực tế tại một địa phương (xã/thôn/bản...) tìm hiểu việc thực hiện 01 chính sách ASXH. Thu thập số liệu, viết báo cáo về kết quả thực hiện chính sách ASXH và trình bày trước lớp.

NÔNG NGHIỆP SẠCH VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Nêu được khái niệm, vai trò của nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Trình bày được thực trạng nền nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm ở tỉnh Quảng Nam.
- Nêu được một số biện pháp phát triển nền nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm ở tỉnh Quảng Nam.
- Hình thành ý thức trong việc xây dựng, phát triển nền nông nghiệp sạch và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.



MỞ ĐẦU

Nông nghiệp là một ngành sản xuất tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống con người và nguyên liệu cho công nghiệp; tạo ra nguồn hàng hoá xuất khẩu đa dạng, có khối lượng lớn và giá trị kinh tế cao. Với lợi thế về nguồn nhân lực lao động nông nghiệp dồi dào (khoảng 61,57% lực lượng lao động), trong những năm qua, nền nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam đã góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp, để nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi, một số người dân đã lạm dụng phân hoá học, thuốc hoá học bảo vệ thực vật, thức ăn tăng trọng cho vật nuôi,... Điều đó đã ảnh hưởng xấu đến việc duy trì độ màu mỡ của đất trồng, gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Nguy hại hơn là sản phẩm nông nghiệp có dư lượng thuốc hoá học bảo vệ thực vật và các kim loại nặng từ đó ảnh hưởng đến sức khoẻ của người tiêu dùng.



Hình 6.1. Người dân phun thuốc hoá học tại Quảng Nam

Chính vì thế, nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm là vấn đề then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, có tầm quan trọng đối với môi trường sống và sức khoẻ của con người hiện nay.



1. *Nêu thực trạng về việc sử dụng các hoá chất (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất tăng trưởng, ...) trong nền nông nghiệp ở địa phương em.*
2. *Nêu tác hại của việc lạm dụng các hoá chất độc hại trong nông nghiệp đối với môi trường nói chung và sức khoẻ của con người nói riêng.*



KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát về nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm

1.1. Nông nghiệp sạch

Nông nghiệp sạch là nền nông nghiệp tạo ra sản phẩm không chứa dư lượng các chất độc hại hoặc sinh vật gây hại cho sức khoẻ con người và vật nuôi, đồng thời không ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước và không khí.

Sản phẩm của nông nghiệp sạch bao gồm:

- Sản phẩm hữu cơ: là sản phẩm nông nghiệp được sản xuất trong điều kiện không dùng phân bón hoá học, không sử dụng các chất kích thích sinh trưởng, không dùng thuốc hoá học bảo vệ thực vật, không sử dụng nước thải và các chất độc hại.
- Sản phẩm an toàn: là sản phẩm nông nghiệp được sản xuất trong điều kiện sử dụng phân bón hợp lí, hạn chế sử dụng thuốc hoá học bảo vệ thực vật cũng như các chất kích thích sinh trưởng, nước tưới cho cây không bị nhiễm hoá chất và các sinh vật gây hại.

Nông nghiệp sạch có vai trò:

- Góp phần bảo vệ môi trường.
- Bảo vệ sức khoẻ của con người, hạn chế bệnh tật.
- Nâng cao chất lượng nông sản, góp phần phát triển bền vững nền kinh tế nông nghiệp.



Theo em, vì sao nông nghiệp sạch có vai trò góp phần bảo vệ môi trường?

1.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Vệ sinh an toàn thực phẩm là việc đảm bảo mọi điều kiện, biện pháp ở mọi khâu trong quy trình chế biến thực phẩm để thực phẩm không gây hại đến sức khoẻ và tính mạng của con người.

Vai trò của vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Đảm bảo được giá trị dinh dưỡng của sản phẩm.
- Giúp cơ thể khoẻ mạnh, phát triển toàn diện, hạn chế bệnh tật.
- Góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường sống.



Hình 6.2. Cơ sở sản xuất nước mắm Cửa Khe, Thăng Bình, Quảng Nam



Hãy kể tên một số biện pháp chế biến (bảo quản) thức ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm mà em đã sử dụng. Việc sử dụng những sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm có ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe con người?

2. Thực trạng về nền nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm ở tỉnh Quảng Nam

2.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp sạch ở tỉnh Quảng Nam

2.1.1. Trong trồng trọt

Để xây dựng nền sản xuất an toàn, bền vững, trong trồng trọt đã thực hiện nguyên tắc 4 đúng và áp dụng các kĩ thuật canh tác tiên tiến như quy trình thâm canh lúa chất lượng cao, gieo sạ, trồng rau màu an toàn theo quy trình VietGAP, tận dụng phụ phẩm trong trồng trọt để sản xuất phân bón hữu cơ, góp phần tăng độ phì nhiêu cho đất, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường. Bên cạnh đó, để dần thay đổi tập quán canh tác của người dân, tỉnh Quảng Nam đã và đang kêu gọi nhiều công ty, doanh nghiệp xây dựng các mô hình mẫu về việc sản xuất thân thiện với môi trường. Cụ thể đã áp dụng một số mô hình sản xuất như:

- Mô hình sản xuất theo quy trình VietGAP.
- Mô hình phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ gắn với du lịch, đô thị.
- Mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.
- Mô hình kinh tế trang trại...

Nhìn chung, các mô hình này đã mang lại nhiều hiệu quả: tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất và giảm mạnh tác động của ô nhiễm môi trường.

Năm 2022, tổng diện tích sản xuất rau, củ, quả an toàn của tỉnh Quảng Nam là 58 ha; trong đó, rau trồng được chứng nhận đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm là 26,3 ha, rau chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương là 31,7 ha với sản lượng ước tính là 951 tấn. Tuy diện tích sản xuất rau an toàn theo các tiêu chuẩn còn thấp nhưng hầu hết các sản phẩm đều có đầu ra ổn định, thu nhập của người trồng rau được tăng lên đáng kể. Điển hình như: Hợp tác xã (HTX) rau, quả Bà Tròn (23,97 ha), HTX sản xuất dịch vụ nông nghiệp và kinh doanh tổng hợp Đại Cường (6ha), HTX Nông nghiệp Duy Phú (33ha – trồng sen), HTX rau sạch Mỹ Hưng (6ha),...



Hình 6.3. Mô hình trồng rau sạch tại xã Bình Phục, huyện Thăng Bình



Hình 6.4. Mô hình trồng lúa hữu cơ ở phường Điện Minh, thị xã Điện Bàn

2.1.2. Trồng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

Tổng đàn chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chiếm 17,70%. Nhiều mô hình chăn nuôi hữu cơ đã hình thành và đang được phổ biến, nhân rộng. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, áp dụng công nghệ cao hoặc chăn nuôi theo chuỗi khép kín từ con giống, vật tư đầu vào đến sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm như bò, gia cầm,... Xây dựng các mô hình như nuôi gà, lợn an toàn sinh học theo tiêu chuẩn VietGAP, sử dụng công nghệ khí sinh học biogas để xử lý chất thải, thu hồi khí sinh học góp phần tiết kiệm chi phí năng lượng và giải quyết tốt vấn đề môi trường, đặc biệt là khí nhà kính. Bên cạnh đó, các chế phẩm sinh học xử lý chất thải đã được áp dụng đối với các cơ sở chăn nuôi ở hộ gia đình để giảm mùi, diệt khuẩn và tăng khả năng phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi. Các trang trại chăn nuôi đã được vận động đưa ra khỏi khu dân cư. Hiện nay, tỉnh Quảng Nam đã có nhiều cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP như:



Hình 6.5. Trại chăn nuôi bò BBB tại xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn

Tổ hợp tác chăn nuôi gà ta Mười Tín (10 000 con/lứa), Hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ Kinh doanh Tổng hợp Duy Đại Sơn (10 000 con lợn/năm), HTX Nông nghiệp Tứ Sơn Life (10 000 con vịt/lứa và 5 000 con gà/lứa), Công ty Cổ phần Thái Việt Swine Line (4 980 lợn nái và 3 000 lợn thịt),...

Trong nuôi trồng thủy sản, các trang trại nuôi lớn và các hộ ở những vùng nuôi thủy sản tập trung đã từng bước thực hiện các biện pháp để ngăn chặn, kiểm soát, hạn chế tối đa các mối nguy hại gây ô nhiễm nguồn nước; đẩy mạnh phát triển theo hướng ổn định diện tích, thâm canh tăng năng suất, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học – kĩ thuật, quản lí tốt môi trường, dịch bệnh vùng nuôi, bảo đảm chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.



Hình 6.6. Mô hình nuôi cá trên sông ở thành phố Tam Kỳ



Hình 6.7. Mô hình nuôi tôm thẻ công nghệ cao ở xã Bình Nam, huyện Thăng Bình



Theo em, việc chăn nuôi không áp dụng quy trình xử lí chất thải khép kín đã ảnh hưởng như thế nào đến môi trường sống?

2.1.3. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp sạch ở tỉnh Quảng Nam

Mô hình phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ gắn với du lịch, đô thị:

Trà Quế thuộc xã Cẩm Hà, Thành phố Hội An với diện tích trên 40 ha, được các hộ dân trồng luân canh, xen canh hơn 20 loại rau. Đây là làng nghề truyền thống trồng rau sạch của Hội An từ bao đời nay với phương pháp trồng rau hữu cơ, sử dụng các loại rong và phân chuồng để bón cho rau. Rong được vớt từ sông Đế Võng hoặc vùng cuối hạ lưu sông Thu Bồn, có khả năng phân huỷ cao và nhanh, giúp đất tơi xốp,



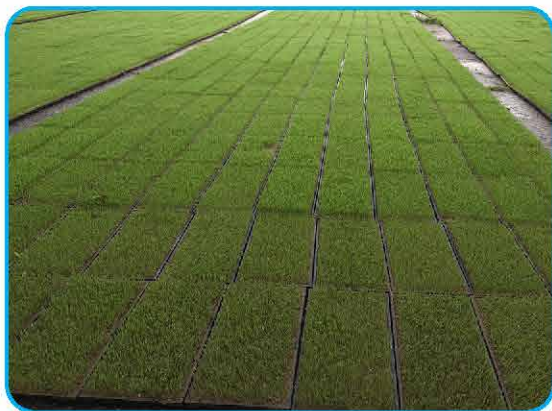
Hình 6.8. Vùng rau sạch Trà Quế, thành phố Hội An, Quảng Nam

dùng để bón lót cho rau. Nước tưới được sử dụng chủ yếu là nguồn nước sạch từ giếng nước ngầm. Nhờ phương pháp này mà nghề trồng rau ở đây cho ra thành phẩm rau siêu sạch bởi quy trình khép kín và đặc biệt không làm ảnh hưởng đến môi trường, mang lại sức khỏe cho người tiêu dùng.

Trà Quế không chỉ nổi tiếng với các sản phẩm rau xanh, sạch, có hương vị đặc trưng riêng, mà còn là điểm tham quan thu hút hàng triệu lượt du khách quốc tế đến tham quan và trải nghiệm.

Mô hình sản xuất lúa theo quy trình VietGAP:

Phong Thử thuộc xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, là nơi áp dụng mô hình sản xuất gạo quê Phong Thử theo quy trình sản xuất hữu cơ từ năm 2017 đến nay. Ban đầu, diện tích canh tác thí điểm là 3 ha và đến nay đã mở rộng sản xuất ra trên 50 ha. Mục tiêu của mô hình là tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng và giảm mạnh tác động của ô nhiễm môi trường. Sản xuất lúa hữu cơ và chế biến gạo được thực hiện theo nguyên tắc 5 không: không thuốc diệt cỏ, không phân bón hóa học, không dùng thuốc hóa học diệt trừ sâu bệnh, không sử dụng giống biến đổi gen và không sử dụng chất bảo quản, chất tẩy trắng gạo. Đồng thời, quy trình sản xuất được tuân thủ nghiêm ngặt từ giống, gieo mạ, phân bón, quản lý dịch hại... Đất trồng được xử lý bằng phân vi sinh hữu cơ; khâu chăm sóc sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc, sinh học. Khâu gieo mạ được tiến hành trên khay đã giúp cây mạ sinh trưởng đều, khỏe và chủ động được thời gian cấy mạ, đồng thời thuận tiện cho khâu cấy mạ tự động bằng máy cấy. Quy trình cấy mạ tự động đảm bảo được khoảng cách hàng và cây cân đối, tạo sự đồng đều thuận lợi cho lúa đẻ nhánh khỏe, quang hợp tốt góp phần hạn chế sâu bệnh hại và thu hoạch sau này. Quy trình chế biến và đóng gói sản phẩm gạo hữu cơ Phong Thử đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, được dán tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm và được xếp hạng ba sao sản phẩm OCOP cấp tỉnh.



*Hình 6.9. Gieo mạ trên khay
ở Phong Thử, Điện Bàn, Quảng Nam*



*Hình 6.10. Cấy mạ tự động
ở Phong Thử, Điện Bàn, Quảng Nam*

Việc thực hiện và hướng tới mở rộng diện tích theo mô hình này, không chỉ góp phần tạo ra những sản phẩm hữu cơ có lợi cho sức khỏe con người mà còn nâng cao nhận thức, thay đổi phương thức canh tác của người dân trong hoạt động sản xuất nông nghiệp bền vững, giảm công lao động, nâng cao giá trị cây trồng, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái đồng ruộng, phù hợp với thích ứng biến đổi khí hậu hiện nay.



Kể tên các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch ở địa phương em.

2.2. Thực trạng công tác quản lí chất lượng và an toàn thực phẩm (ATTP) ở tỉnh Quảng Nam

Trong những năm gần đây, công tác quản lí chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm của tỉnh Quảng Nam luôn được coi trọng.

- Đã xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.
- Công tác tuyên truyền diễn ra trên nhiều lĩnh vực, giúp hộ sản xuất và người tiêu dùng đã nhận thức được tầm quan trọng của việc sản xuất, chế biến và sử dụng sản phẩm an toàn đối với con người và môi trường sống, hiểu rõ tác hại của thực phẩm không an toàn.
- Công tác quản lí nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp đã được phân công, phân cấp từ tỉnh đến các xã, phường, thị trấn tạo thuận lợi trong công tác quản lí.

Hàng năm công tác lấy mẫu để giám sát sản phẩm nông sản, thủy sản luôn được thực hiện. Trong công tác giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm sản phẩm nông, thủy sản ở Quảng Nam, đa số các mẫu đạt tiêu chuẩn.

Cụ thể năm 2022:

Về chất lượng vật tư nông nghiệp có 60/83 mẫu đạt yêu cầu trong đó:

– Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: Lấy 20 mẫu phát hiện 01 mẫu thuốc bảo vệ thực vật giả về chất lượng, 02 mẫu phân bón có chất lượng không phù hợp quy chuẩn kĩ thuật tương ứng.

– Lĩnh vực chăn nuôi – thú y: Phân tích 22 mẫu có 19 mẫu đảm bảo chất lượng theo công bố của nhà sản xuất.

– Lĩnh vực thủy sản: 41 mẫu có kết quả 34 mẫu đạt yêu cầu.

Về giám sát ATTP sản phẩm nông lâm thủy sản:

- Rau: 10 mẫu, 100% đạt yêu cầu.
- Thịt gà: 04 mẫu giám sát các chỉ tiêu Tetracycline, Chloramphenicol, kết quả phân tích đạt yêu cầu.

– Thịt lợn: lấy 45 mẫu thì các mẫu đều đạt yêu cầu về chỉ tiêu dư lượng kháng sinh, riêng chỉ tiêu vi sinh chưa đạt yêu cầu.

– Tôm thẻ chân trắng: các mẫu đều đạt yêu cầu.

– Chả (heo, bò, cá): 18 mẫu phân tích, có 01 mẫu không đạt về chỉ tiêu Natribenzoat.

– Nước mắm: 10 mẫu, có 01 mẫu có hàm lượng Natribenzoat vượt quá quy định.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn có một số tồn tại, hạn chế: công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; ô nhiễm thực phẩm vẫn là nỗi lo ở tất cả các khâu nuôi trồng, chế biến, bảo quản. Chưa kiểm soát và ngăn chặn triệt để tình trạng rau, củ, quả bị nhiễm hoá chất độc hại. Thịt gia súc, gia cầm, thủy sản của một số cơ sở sản xuất còn dư lượng kháng sinh vượt quá mức cho phép. Kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống tại các chợ, đường phố, lễ hội, trường học, bệnh viện, các khu công nghiệp khó kiểm soát.



Hình 6.11. Hội chợ OCOP Quảng Nam



1. Nêu thực trạng hiện nay về công tác quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm ở địa phương em.

2. Kể tên các sản phẩm ở địa phương em đã tham gia trưng bày trong các hội chợ OCOP.

3. Một số giải pháp về nền nông nghiệp sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm ở tỉnh Quảng Nam

3.1. Trong trồng trọt

Để phát triển nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ cần khuyến khích đầu tư và sử dụng các yếu tố vừa bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, vừa không gây hại cho người sử dụng và không làm suy thoái, ô nhiễm môi trường sinh thái. Muốn giải quyết được những vấn đề trên, cần tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

– Đầu tư sử dụng các giống ít nhiễm bệnh và sâu rầy.

– Áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như: luân canh cây trồng, cày sâu bừa kĩ theo đúng yêu cầu kĩ thuật, tưới tiêu nước theo khoa học, sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh.

– Sử dụng rộng rãi các chế phẩm sinh học.

- Giảm dần mức sử dụng hoá chất, nếu chưa giảm được thì phải sử dụng theo đúng quy trình: đúng loại, đúng lúc, đúng cách và đúng liều lượng.
- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân nói chung và người nông dân nói riêng, cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
- Mở rộng sản xuất cây rau thực phẩm an toàn, rau thực phẩm sạch, rau hữu cơ.
- Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...

3.2. Trong chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, khép kín, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ổn định thị trường và giá cả sản phẩm chăn nuôi. Đồng thời, phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi hữu cơ, đặc sản; giám sát và kiểm soát chặt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm hiệu quả, không để tái nhiễm.
- Quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y, kiểm soát chất lượng con giống; vùng phát triển chăn nuôi xa khu dân cư. Phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại theo hướng an toàn sinh học có liên kết theo chuỗi; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả.
- Thực hiện đổi mới công tác khuyến nông theo hướng ưu tiên đầu tư xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ cao; các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp; các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu mô hình chăn nuôi an toàn sinh học; mô hình chăn nuôi hướng mục tiêu xuất khẩu.

3.3. Trong công tác quản lý chất lượng và ATTP hàng nông sản

- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phế phụ phẩm chế biến phân hữu cơ. Khuyến khích phát triển các nhóm sản phẩm OCOP, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất an toàn, vệ sinh thực phẩm, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp.
- Quản lý quy trình sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo quy chuẩn kỹ thuật hướng đến mục tiêu nông sản phục vụ cho nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu an toàn, chất lượng.
- Xây dựng, nhân rộng các mô hình quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi, mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm đặc thù OCOP, mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 mô hình sản xuất gắn với xây dựng cửa hàng, siêu thị, trung tâm tiêu thụ nông sản an toàn. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá các sản phẩm thế mạnh của tỉnh Quảng Nam.



LUYỆN TẬP

1. Giả sử trong tương lai, em là người sản xuất nông nghiệp, em có mạnh dạn áp dụng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch hay không? Vì sao?
2. Em lựa chọn 1 trong 2 lĩnh vực trồng trọt hoặc chăn nuôi ở địa phương em và nêu lên những thực trạng về việc sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn nông nghiệp sạch. Thử đề ra một số biện pháp để giải quyết những thực trạng đó.
3. Em hãy kể tên những thực phẩm mà lứa tuổi học sinh em đang sử dụng khá phổ biến. Độ tin cậy của bản thân em về ATTP đối với những sản phẩm đó như thế nào?



VẬN DỤNG

1. Tham quan một cơ sở sản xuất nông nghiệp sạch ở địa phương em và viết bài thu hoạch theo các gợi ý sau:
 - Tên cơ sở sản xuất.
 - Quy mô sản xuất.
 - Biện pháp đã áp dụng trong sản xuất nông nghiệp sạch.
 - Tác động của sản phẩm đối với chính người sản xuất, môi trường sống và người dân tại địa phương.
2. Khi áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp sạch đã mang lại lợi ích gì cho con người và môi trường?
3. Em hãy sưu tầm hình ảnh các mô hình chăn nuôi đảm bảo nông nghiệp sạch ở gia đình hoặc địa phương.

EM CÓ BIẾT?

OCOP (viết tắt theo tiếng Anh là One commune one product), hiểu theo nghĩa tiếng Việt là mỗi xã (phường) một sản phẩm. OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị.

Theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được chia làm 03 cấp: cấp

huyện, cấp tỉnh và cấp trung ương. Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao có giá trị trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP gồm 6 ngành hàng: thực phẩm; đồ uống; thảo dược; vải và may mặc; lưu niệm – nội thất – trang trí và dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng.

EM CÓ BIẾT?

VietGAP là cụm từ viết tắt của Vietnamese Good Agricultural Practices – thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam và được ban hành bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tiêu chuẩn VietGAP có thể áp dụng cho các nhóm sản phẩm chăn nuôi, thủy sản hoặc trồng trọt.

Đối với nhóm sản phẩm rau đạt chứng nhận VietGAP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

Chọn đất

– Đất trồng rau phải là đất cao, dễ thoát nước, phù hợp với quá trình sinh trưởng và phát triển của từng loại rau.

– Không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây ô nhiễm sản phẩm như: khói, bụi, chất thải, hoá chất độc hại từ hoạt động giao thông vận tải, công nghiệp, sinh hoạt khu dân cư,...

– Khu vực trồng rau phải được cách ly với các khu vực có chất thải công nghiệp nặng và bệnh viện ít nhất 2 km và với chất thải sinh hoạt của thành phố ít nhất 200 m.

– Không có tồn dư hoá chất độc hại.

– Hàm lượng kim loại nặng trong đất không được vượt quá quy định.

Nước tưới

– Sử dụng nước giếng hoặc nước sông, ao, hồ không bị ô nhiễm để tưới, đảm bảo an toàn vệ sinh.

– Dùng nước sạch để pha các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

– Các loại rau mùi và xà lách cần dùng nước giếng khoan.

Giống

– Chỉ gieo những hạt giống tốt và

trồng cây con khoẻ mạnh, không có mầm bệnh.

– Phải biết rõ lí lịch nơi sản xuất hạt giống. Hạt giống nhập nội phải qua kiểm dịch.

– Trước khi gieo trồng hạt giống phải được xử lí hoá chất hoặc nhiệt để diệt nguồn sâu bệnh.

Phân bón

– Không được dùng phân chuồng tươi, nước phân chuồng pha loãng để tưới rau.

– Trước khi thu hoạch 15 ngày cần kết thúc bón phân.

– Chỉ được phép sử dụng phân bón có tên trong danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, đang có hiệu lực.

Phòng trừ sâu bệnh

– Không sử dụng thuốc hoá học bảo vệ thực vật cấm sử dụng cho rau.

– Chọn các loại thuốc có hoạt chất thấp, ít độc hại với ký sinh thiên địch.

– Ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học, các chế phẩm thảo mộc, các ký sinh thiên địch để phòng bệnh thay cho các loại thuốc hoá chất. Kết thúc phun thuốc trước khi thu hoạch ít nhất 5 đến 10 ngày.

Thu hoạch, đóng gói

– Rau được thu hoạch đúng độ chín, loại bỏ lá già, héo, quả bị sâu, dị dạng.

– Rau được rửa kĩ bằng nước sạch, để ráo đóng gói vào túi sạch. Trên bao bì ghi rõ địa chỉ nơi sản xuất nhằm đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng.

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM LỚP 11

Hình	Trang	Nguồn
Bìa		https://tinhdonqnam.vn/news/dia-chi-do-cua-tuoi-tre-quang-nam/nha-luu-niem-cu-huynh-thuc-khang-4244.html
1.1	5	Ngô Văn Thọ, Phó Chủ tịch UBND phường Cẩm Phô- Hội An
1.2	6	http://quangnam.dcs.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=52&NID=7517&55-nam--suc-manh-cua-long-dan-xu-quang
1.3	7	http://quangnam.dcs.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=52&NID=7517&55-nam--suc-manh-cua-long-dan-xu-quang
1.4	9	http://quangnam.dcs.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=52&NID=7517&55-nam--suc-manh-cua-long-dan-xu-quang
1.5	10	http://quangnam.dcs.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=52&NID=7517&55-nam--suc-manh-cua-long-dan-xu-quang
2.1	12	https://cadn.com.vn/quang-nam-dinh-huong-tro-thanh-thanh-pho-truc-thuoc-trung-uong-vao-nam-2050-post269825.html
2.2	13	https://www.thacogroup.vn/truong-cao-dang-thaco-noi-dao-tao-cung-cap-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao
2.3	13	https://images.baoquangnam.vn/Storage/NewsPortal/2020/12/15/106409/2-01.jpg
2.4	15	Biểu đồ
2.5	16	https://baoquangnam.vn/y-te/du-kien-dau-tu-he-thong-khi-o-xy-trung-tam-tai-benh-vien-phu-san-nhi-115143.html
2.6	16	https://vinpearl.com/vi/quay-tung-vinwonders-khi-co-ban-do-vinpearl-nam-hoi-an-trong-tay
2.7	17	https://vinwonders.com/vi/bai-viet-du-lich/ngam-nhin-ve-dep-yen-binh-xu-quang-tu-cau-cua-dai-hoi-an/
2.8	17	https://baoquangnam.vn/giao-thong-xay-dung/gan-bien-va-thong-xe-ky-thuat-tuyen-duong-vo-chi-cong-93429.html
2.9	17	https://thanhvien.vn/chi-13-ti-dong-giup-2000-hoc-sinh-mien-nui-on-thi-thpt-quoc-gia-185860761.htm
2.10	17	https://viettimes.vn/quang-nam-chinh-thuc-dua-trung-tam-dieu-hanh-thong-minh-ioc-vao-su-dung-post138791.html
2.11	18	https://quangnamtourism.com.vn/en/introduction
2.12	18	Hoàng Như Đức
3.1	20	https://chuongtrinhmuctieuquocgia.baodantoc.vn/nguoi-co-luu-giu-nghe-thuat-dau-chieng-1680523900774.htm
3.2	20	https://meeyland.com/nha-360/kien-truc-cham-pa/
3.3	20	https://danangfantasticity.com/tin-tuc/nha-hat-tuong-nguyen-hien-dinh-chuong-trinh-nghe-thuat-truyen-thong-hon-viet.html
3.4	20	https://baoquangnam.vn/van-hoa/lan-dieu-hat-nam-trong-ba-trao-xu-quang-15719.html
3.5	22	https://baodantoc.vn/noi-ly-hat-ly-di-san-van-hoa-phi-vat-the-doc-dao-cua-nguoi-co-tu-1610176589496.htm
3.6	22	https://baoquangnam.vn/van-hoa/nguoi-co-tu-giu-cau-hat-ly-115619.html

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM LỚP 11

Hình	Trang	Nguồn
3.7	23	https://infonet.vietnamnet.vn/ly-ky-chuyen-nguoi-dao-duoc-tuong-vang-than-siva-66441.html
3.8	23	https://disanvanhoamyson.vn/bao-tang/dai-tho/
3.9	23	https://disanvanhoamyson.vn/bao-tang/phu-dieu/
3.10	23	https://chammuseum.vn/view.aspx?ID=441
3.11	24	https://www.bienphong.com.vn/noi-tieng-cua-linh-thach-post9008.html
3.12	24	https://dieukhacda.com.vn/van-hoa-cham-tai-lang-dieu-khac-da-my-nghe-ngu-hanh-son/
3.13	26	https://nhandan.vn/nang-cao-vi-the-nghe-thuat-bieu-dien-viet-nam-post299641.html
3.14	26	http://daidoanket.vn/dac-sac-mat-na-tuong-546180.html
3.15	26	https://baoquangnam.vn/van-hoa/dieu-khac-go-co-tu-kho-bau-cua-lang-42550.html
3.16	26	https://baodantoc.vn/de-nghe-thuat-dieu-khac-go-dan-toc-co-tu-song-mai-1584365422630.htm
4.1	29	Biểu đồ
4.2	30	https://dangcongsan.vn/kinh-te/xay-dung-cang-chu-lai-thanh-trung-tam-logistics-mien-trung-448967.html
4.3	33	Trường PTDTNT Nước Oa, tỉnh Quảng Nam
4.4	33	https://baochinhphu.vn/lo-ngai-dich-covid-19-nhieu-diem-du-lich-tam-dung-don-khach-102269397.htm
4.5	34	https://vov.vn/du-lich/cac-nha-bao-quoc-te-an-tuong-voi-chuong-trinh-trai-nghiem-quang-nam-post951397.vov
4.6	35	https://baotintuc.vn/thoi-su/tang-cuong-moi-quan-he-doan-ket-huu-nghi-viet-nam-an-do-qua-cong-tac-bao-ton-khu-den-thap-my-son-20220328194756115.htm
4.7	36	Trần Thị Minh Phương
5.1	37	https://baotintuc.vn/chinh-sach-va-cuoc-song/quang-nam-tiep-tuc-sap-xep-lai-cho-o-cho-nguoi-dan-mien-nui-20220215144712155.htm
5.2	37	http://daidoanket.vn/dan-toc/truong-trung-cap-nghe-thanh-nien-dan-toc-mien-nui-quang-nam-khai-giang-nam-hoc-moi-tintuc421504
5.3	37	https://nld.com.vn/cong-doan/doi-thoai-voi-bi-thu-quang-nam-cong-nhan-phan-anh-tinh-trang-tin-dung-den-20220731122844247.htm
5.4	37	https://baodansinh.vn/trung-tam-dieu-duong-nguoi-tam-than-quang-nam-nang-cao-hieu-qua-nuoi-duong-dieu-tri-cho-doi-tuong-20210706154919482.htm
5.5	38	https://nld.com.vn/cong-doan/doi-thoai-voi-bi-thu-quang-nam-cong-nhan-phan-anh-tinh-trang-tin-dung-den-20220731122844247.htm
5.6	38	https://quangnam.baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/tin-ve-quang-nam.aspx-?ItemID=13645&CatelD=0
5.7	40	http://www.thiduaikhenthuongvn.org.vn/dan-so-va-phat-trien/quang-nam-day-manh-cong-tac-cham-soc-suc-khoe-cho-nguoi-cao-tuoi
5.8	40	https://baoquangnam.vn/lao-dong-viec-lam/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-nhieu-bat-cap-bai-1-lung-tung-12766.html

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM LỚP 11

Hình	Trang	Nguồn
5.9	42	http://www.thidukhenthuongvn.org.vn/dan-so-va-phat-trien/quang-nam-day-manh-cong-tac-cham-soc-suc-khoe-cho-nguoi-cao-tuoi
5.10	42	https://baoquangnam.vn/xa-hoi/them-lua-chon-kham-choa-benh-cho-nguoi-dan-112521.html
5.11	44	Công đoàn LPB Chi nhánh Quảng Nam
5.12	44	http://laodongxahoi.net/quang-nam-thuc-hien-kip-thoi-day-du-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-1322881.html
5.13	47	http://bvtwqn.vn/tin-tuc/hoi-thay-thuoc-tre-den-voi-nguoi-dan-xa-dao-o-quang-nam.html
5.14	47	https://baodantoc.vn/quang-nam-xoa-nha-o-tam-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-gan-voi-sap-xep-lai-dan-cu-hai-hoa-1615523571148.htm
5.15	48	http://huyenuy.namtramy.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=1292&Group=210&NID=4293&tuyen-truyen-giam-ngheo-phai-sau-sat-tu-co-so
5.16	48	https://congthuong.vn/quang-nam-dung-di-san-bai-choi-det-luoi-an-sinh-xa-hoi-266630.htm
6.1	49	Hội nông dân tỉnh Quảng Nam
6.2	51	https://baoquangnam.vn/du-lich/thang-binh-ngay-hoi-van-hoa-du-lich-bien-cua-khe-se-dien-ra-va-o-ngay-19-va-2012-136210.html
6.3	52	https://baoquangnam.vn/khoi-nghiep/trong-rau-thuy-canhh-tren-vung-dat-cat-127502.html
6.4	52	Hội nông dân tỉnh Quảng Nam
6.5	52	Sở NN & PT nông thôn tỉnh Quảng Nam
6.6	53	Sở NN & PT nông thôn tỉnh Quảng Nam
6.7	53	Sở NN & PT nông thôn tỉnh Quảng Nam
6.8	53	Sở NN & PT nông thôn tỉnh Quảng Nam
6.9	54	Sở NN & PT nông thôn tỉnh Quảng Nam
6.10	54	https://youtu.be/N1sx5wV69UU?si=mB3n-NvnHyrLParW
6.11	57	Hội nông dân tỉnh Quảng Nam

